

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Minh Thủy**

**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH ĐỒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Minh Thủy**

**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

---

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Minh Thủy

Mã SV: 120012

Lớp: QT 1204K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thành Đồng

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát được những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thành Đồng.
  - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thành Đồng, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần Thành Đồng

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thành Đồng.

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

Nguyễn Minh Thủy

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

---

**PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn những cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ quan trọng đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính... Các thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Nhà quản trị doanh nghiệp muốn có được số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh có độ tin cậy cao thì cần tổ chức đội ngũ nhân viên và quy trình kế toán sao cho phù hợp với thực trạng đơn vị mình, ít tốn kém và mang lại hiệu quả. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần Thành Đồng em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thành Đồng”**.

Kết cấu bài khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

**Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thành Đồng.**

**Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thành Đồng.**

Trong quá trình thực tập em xin cảm ơn sự chỉ dẫn giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô chú, các anh chị phòng kế toán công ty cổ phần Thành Đồng và đặc biệt là cô giáo – Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.



Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

---

## **CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

### **1.1. Một số vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### **1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với những đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với mỗi doanh nghiệp: Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính như: Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

## 1.1.2. Các khái niệm cơ bản

### 1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC:

*Doanh thu*: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: Là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Theo chuẩn mực kế toán số 14,

➤ *Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

➤ *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ *Doanh thu tiêu thụ nội bộ*: Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ *Doanh thu tài chính*: Là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”:

Tiền lãi là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền, các khoản tương đương tiền hoặc các khoản còn nợ doanh nghiệp như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán...

Tiền bản quyền là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả...

Cổ tức và lợi nhuận được chia là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

*Doanh thu hoạt động tài chính* của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ *Thu nhập khác*: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

❖ *Các khoản giảm trừ doanh thu như*: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính (báo cáo kết quả kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính).

- *Chiết khấu thương mại*: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- *Giảm giá hàng bán*: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Giá trị hàng bán bị trả lại*: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- *Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt*: Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa,, dịch vụ đó.

$$\begin{array}{rcc} \text{Doanh thu} & & \text{DT bán hàng và} \\ \text{thuần} & = & \text{cung cấp dịch vụ} \\ & & - \text{Các khoản giảm trừ} \\ & & \text{doanh thu} \end{array}$$

### 1.1.2.2. Chi phí

Theo chuẩn mực kế toán số 01 – “Chuẩn mực chung” (Ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC): Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh cho các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

**Các loại chi phí:**

➤ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ giá vốn là bao gồm giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ choc ho hàng tiêu thụ.

➤ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: Là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa.

➤ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp.
  - Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.
  - Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.
  - Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.
  - Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi.
  - Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.
  - Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản kể trên: chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác.
    - Chi phí tài chính: Bao gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, tỷ giá hối đoái...
    - Chi phí khác: Là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.
- Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
  - Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
  - Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
  - Bị phạt thuế, truy thu thuế



- Các khoản chi phí khác
  - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:
    - Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.
    - Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiện hành.
    - Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động kinh doanh khác của doanh nghiệp được xác định bằng doanh thu – chi phí.

#### **1.1.2.2. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm.
- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.
  - Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
  - Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
  - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí nâng cấp, sửa chữa, ...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
  - Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý



đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo công thức sau:

<i>Doanh thu thuần</i>		<i>Doanh thu bán</i>		<i>Các khoản</i>	
<i>từ bán hàng và</i>	=	<i>hàng và cung cấp</i>	-	<i>giảm trừ</i>	
<i>cung cấp dịch vụ</i>		<i>dịch vụ</i>		<i>doanh thu</i>	
<i>Lợi nhuận gộp về</i>		<i>Doanh thu thuần</i>		<i>Giá vốn</i>	
<i>bán hàng và</i>	=	<i>từ bán hàng và</i>	-	<i>hàng bán</i>	
<i>cung cấp dịch vụ</i>		<i>cung cấp dịch vụ</i>			
<i>Lợi nhuận thuần</i>		<i>Lợi nhuận gộp về</i>		<i>Doanh thu</i>	<i>Chi phí tài chính,</i>
<i>từ hoạt động sản</i>	=	<i>bán hàng và cung</i>	+	<i>hoạt động</i>	<i>chi phí bán hàng,</i>
<i>xuất kinh doanh</i>		<i>cấp dịch vụ</i>		<i>tài chính</i>	<i>chi phí quản lý</i>
					<i>doanh nghiệp</i>
<i>Lợi nhuận khác</i>	=	<i>Thu nhập khác</i>	-	<i>Chi phí</i>	
				<i>khác</i>	
<i>Tổng lợi nhuận</i>		<i>Lợi nhuận thuần</i>		<i>Lợi nhuận</i>	
<i>kế toán trước</i>	=	<i>từ hoạt động sản</i>	+	<i>khác</i>	
<i>thuế</i>		<i>xuất kinh doanh</i>			
<i>Chi phí thuế</i>		<i>Tổng lợi nhuận kế</i>		<i>Thuế suất</i>	
<i>TNDN</i>	=	<i>toán trước thuế</i>	x	<i>thuế TNDN</i>	
				<i>(25%)</i>	
<i>Lợi nhuận sau</i>		<i>Tổng lợi nhuận kế</i>		<i>Chi phí</i>	
<i>thuế TNDN</i>	=	<i>toán trước thuế</i>	-	<i>thuế TNDN</i>	

### 1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.
- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.
- Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.
- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.
- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.
- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.
- Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

## **1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ, các khoản giảm trừ doanh thu**

#### **a. Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:
  - Hóa đơn thông thường
  - Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02 GTTT - 3LL).
- Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi.
- Thẻ quầy hàng.
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...).
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại, hóa đơn vận chuyển, bóc dỡ...

**b. Tài khoản sử dụng**

Để phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng những tài khoản sau:

**❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kết cấu của tài khoản 511:

*Bên Nợ:*

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (521,531,532)
- Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

*Bên Có:*

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

#### ❖ **Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các sản phẩm, hàng hóa xuất biểu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh...

Kết cấu của tài khoản 512:

*Bên Nợ:*

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

*Bên Có:*

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ **Tài khoản 3331 – Thuế GTGT phải nộp** chi tiết theo tài khoản 33311 – Thuế GTGT đầu ra

Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 131...

❖ **Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hóa).

*Bên Nợ:*

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

*Bên có:*

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

*Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.*

❖ **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 "Chi phí bán hàng".

*Bên Nợ:*

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

*Bên Có:*

Kết chuyển doanh thu của hàng hóa bị trả lại vào bên nợ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", hoặc Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

---

*Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ*

❖ **Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

*Bên Nợ:*

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

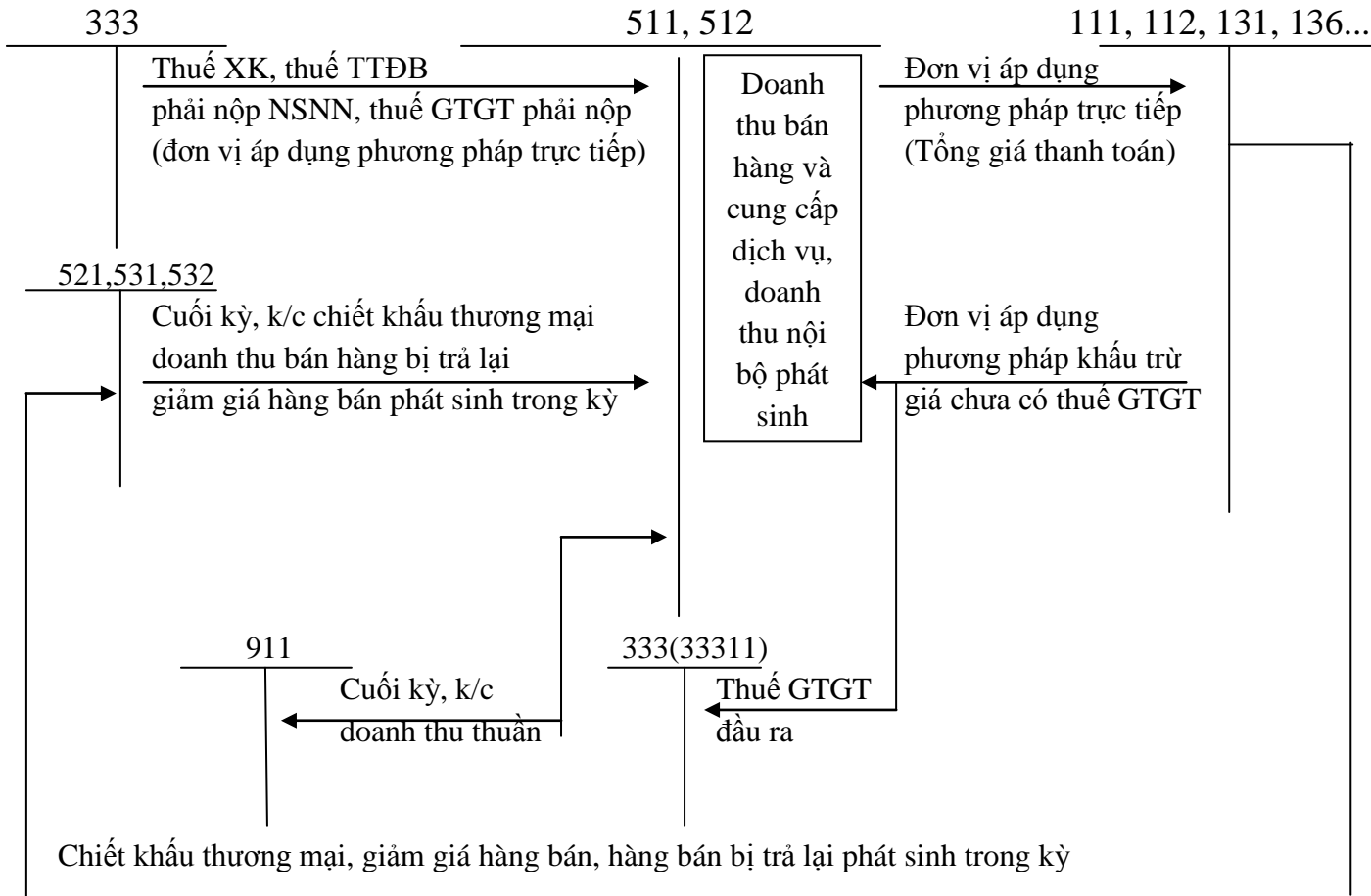
*Bên Có:*

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ".

*Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.*

**c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

**Sơ đồ 1.1:** Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ, các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp.



**1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

Đối với các doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành hàng hóa thực tế của hàng hóa hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp nhập trước – xuất trước
- Phương pháp nhập sau – xuất trước

**a. Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng thông thường

**b. Tài khoản sử dụng**

❖ Kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị thực tế của các thành phẩm hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ. Giá vốn hàng bán bao gồm giá thành thực tế cấu thành lên sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất hoặc dịch vụ) hoặc giá vốn mua thực tế của hàng hoá (bao gồm cả chi phí thu mua - đối với doanh nghiệp thương mại) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Kết cấu của TK 632:

*Bên Nợ:*

- Giá vốn hàng đã bán
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

*Bên Có:*

- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

Nguyên tắc trong kế toán phải đánh giá theo đúng giá thực tế của sản phẩm hàng hoá. Tức là phải phản ánh đầy đủ các chi phí thực tế phát sinh mà doanh



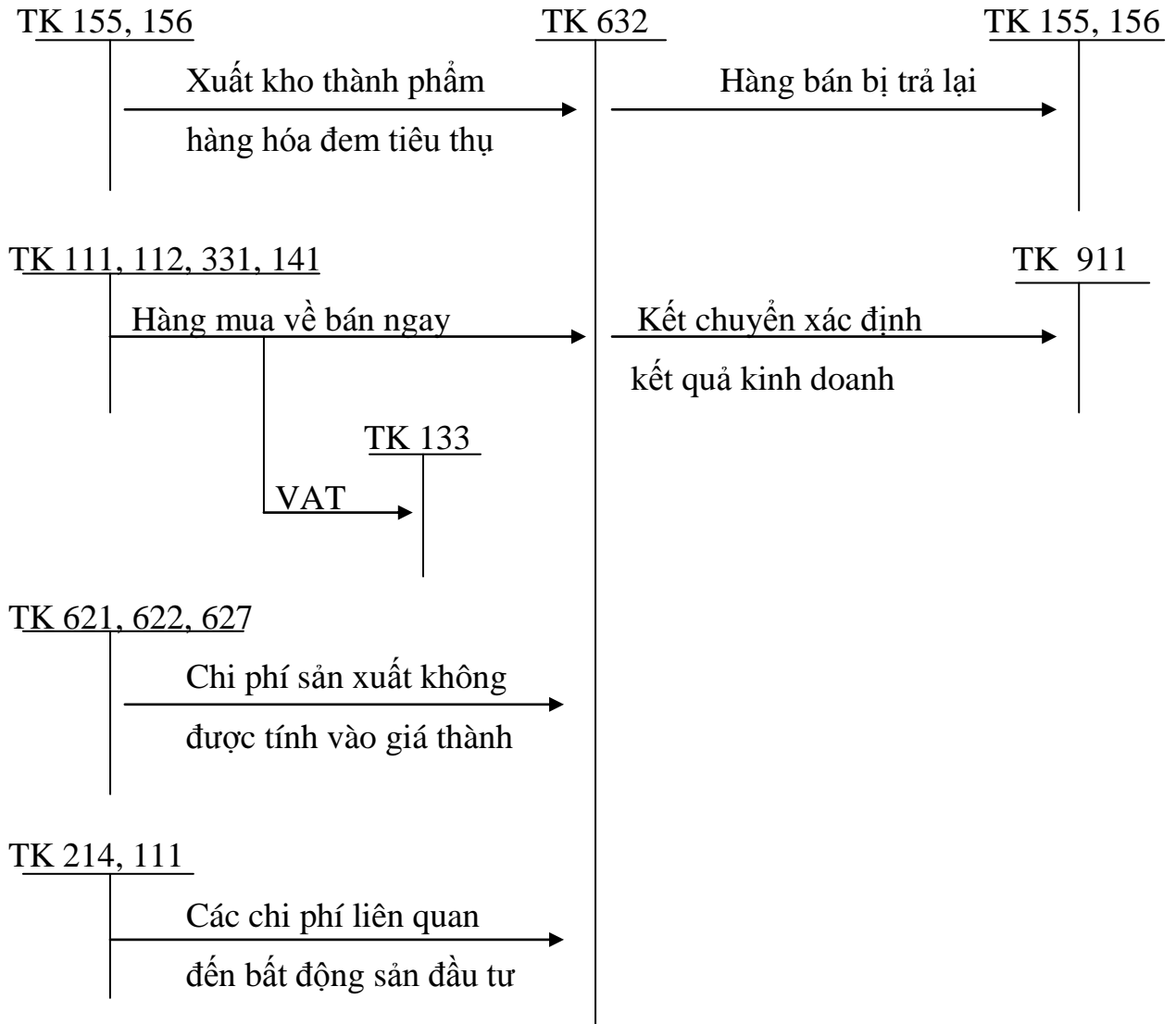
ng nghiệp phải bỏ ra để có số sản phẩm hàng hoá đó. Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

❖ Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 155, TK 156, TK 611, TK 631 (đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

**c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

❖ Hạch toán GVHB theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)  
Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.2:

**Sơ đồ 1.2:** Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



❖ Hạch toán GVHB theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK)

Khác với phương pháp KKTX, phương pháp KKĐK sử dụng thêm TK 631- “Giá thành sản xuất” và các nghiệp vụ chỉ thực hiện vào đầu và cuối mỗi kỳ kế toán.

Kết cấu của TK 631:

*Bên Nợ:*

- Chí phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ;
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

*Bên Có:*

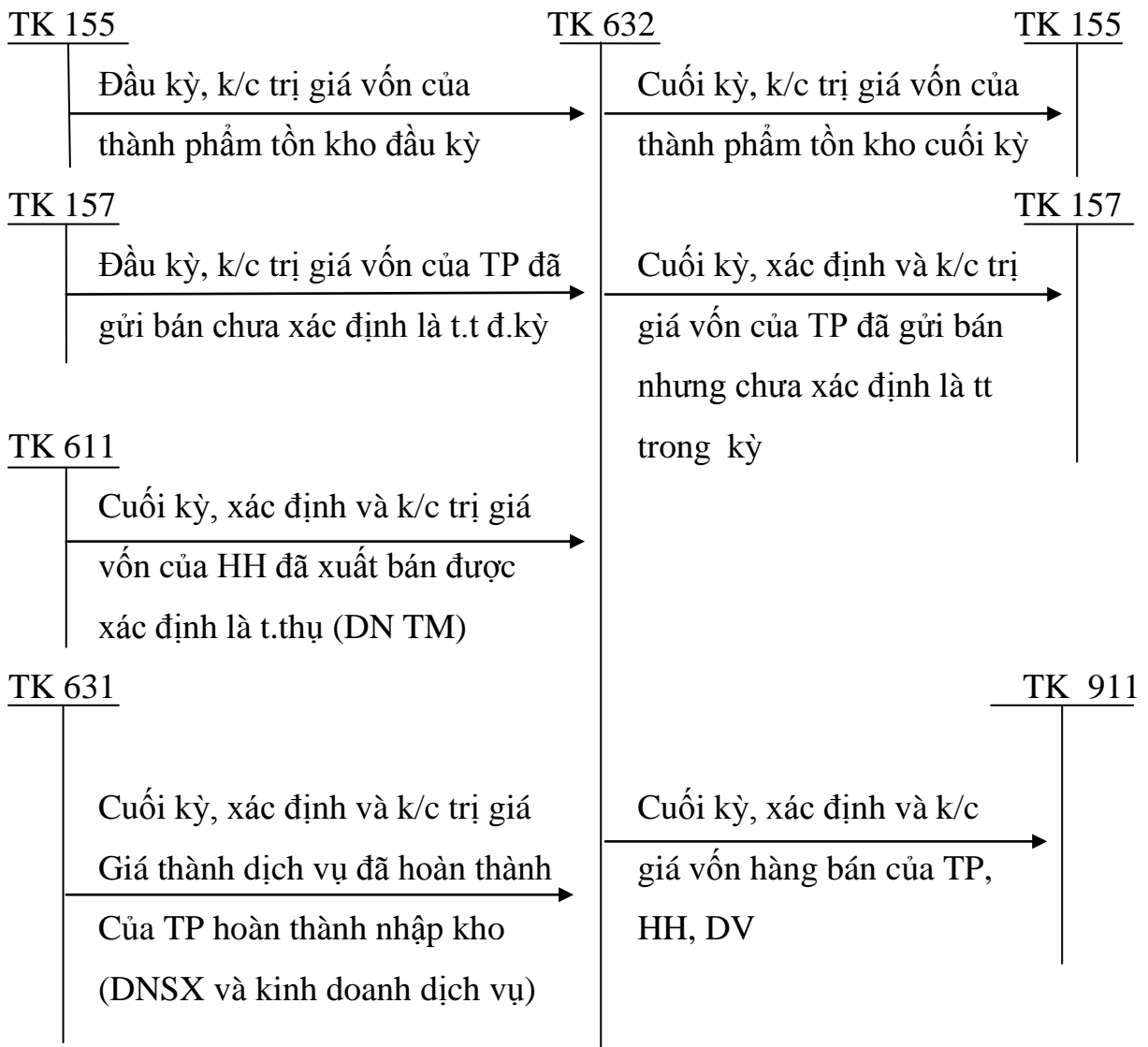
- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”;

- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.

*Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.*

Các nghiệp vụ hạch toán GVHB theo phương pháp KKĐK được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.3:** Kê toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



### 1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ

#### b. Tài khoản kế toán sử dụng

❖ TK 641 – Chi phí bán hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

❖ Kết cấu TK 641:

*Bên Nợ:*

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

*Bên Có:*

Kết chuyển Chi phí bán hàng sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

❖ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên

bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

❖ Kết cấu TK 642:

*Bên Nợ:*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

*Bên Có:*

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

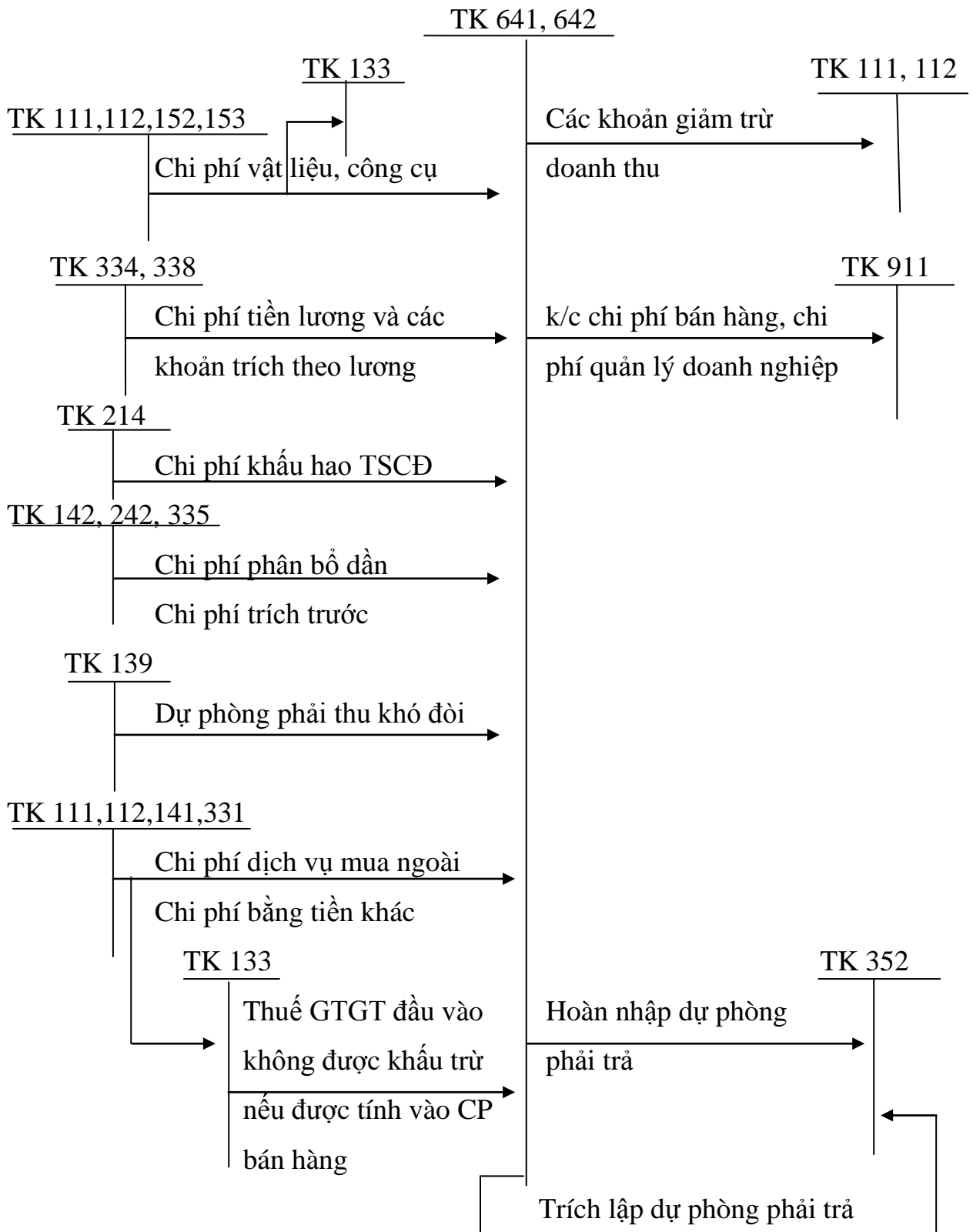
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như: phân bổ theo từng doanh số, theo chi phí, theo tiền lương.

**c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

**Sơ đồ 1.6:** Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



#### 1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

##### a. Chứng từ kế toán sử dụng

Chứng từ kế toán sử dụng: phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán, giấy báo có...

##### b. Tài khoản kế toán sử dụng

❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính: dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tài khoản 515 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

Kết cấu TK 515:

*Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

*Bên Có:*

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết...
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính: là các khoản chi phí phát sinh liên quan về vốn và hoạt động đầu tư tài chính.

Tài khoản 635 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

Kết cấu TK 635:

*Bên Nợ*

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

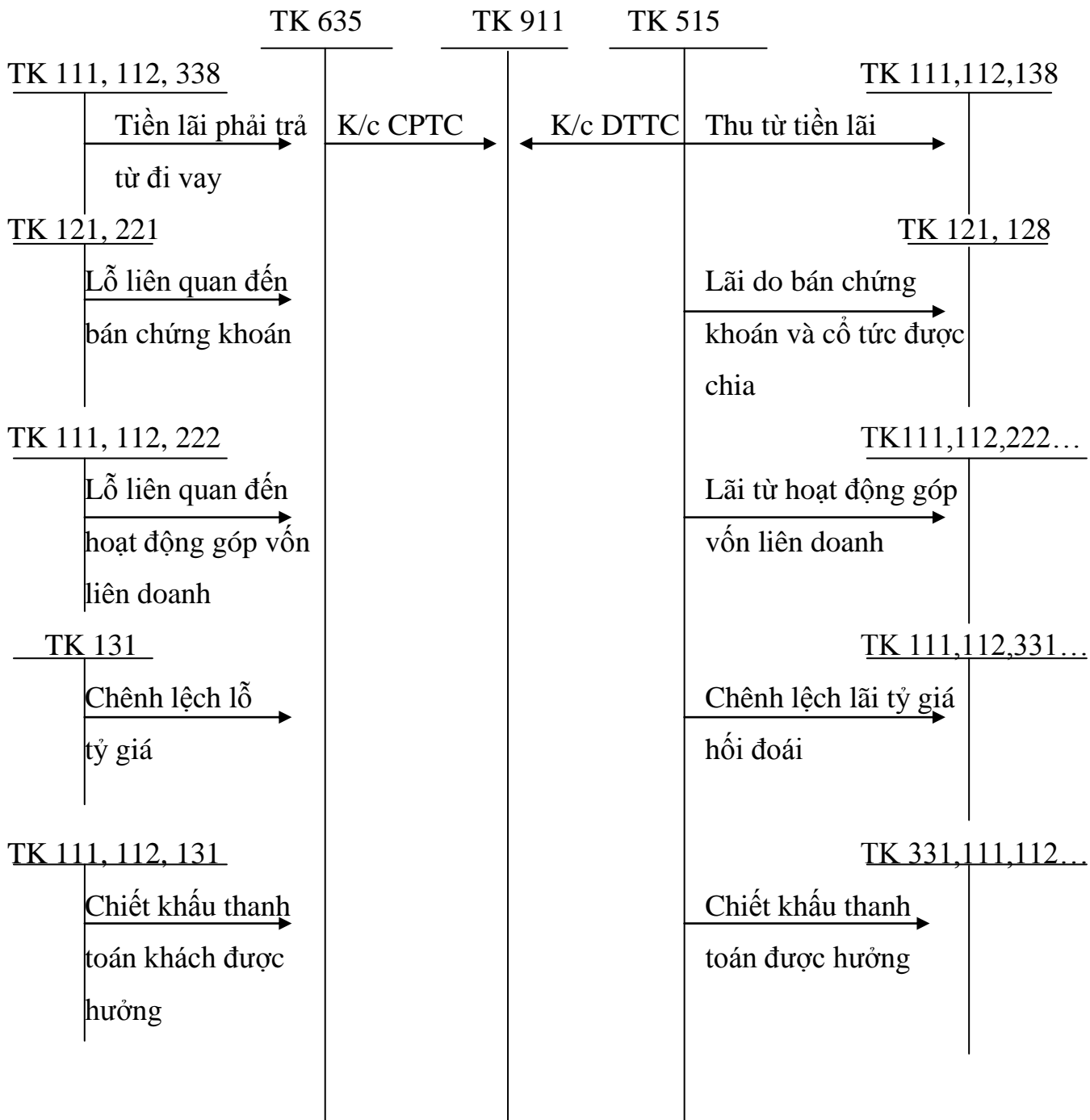
#### *Bên Có*

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.



**c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

**Sơ đồ 1.7:** Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính



### 1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

- ❖ Hoạt động khác (hoạt động bất thường) là những hoạt động diễn ra không thường xuyên, ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Hoạt động khác có thể là:

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Hoạt động xử lý, giải quyết các tranh chấp vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Về xử lý tài sản thừa, thiếu chưa rõ nguyên nhân.
- Về các khoản nợ khó đòi.

❖ Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

❖ Chi phí khác là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

**a. Chứng từ kế toán sử dụng:** phiếu thu, phiếu kế toán...

**b. Tài khoản sử dụng:**

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác: dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập không phản ánh các khoản chi phí.

❖ Kết cấu TK 711:

*Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

*Bên Có:*

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (nếu có), các khoản chi phí khác, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

❖ Kết cấu TK 811:

*Bên Nợ:*

Các khoản chi phí khác phát sinh

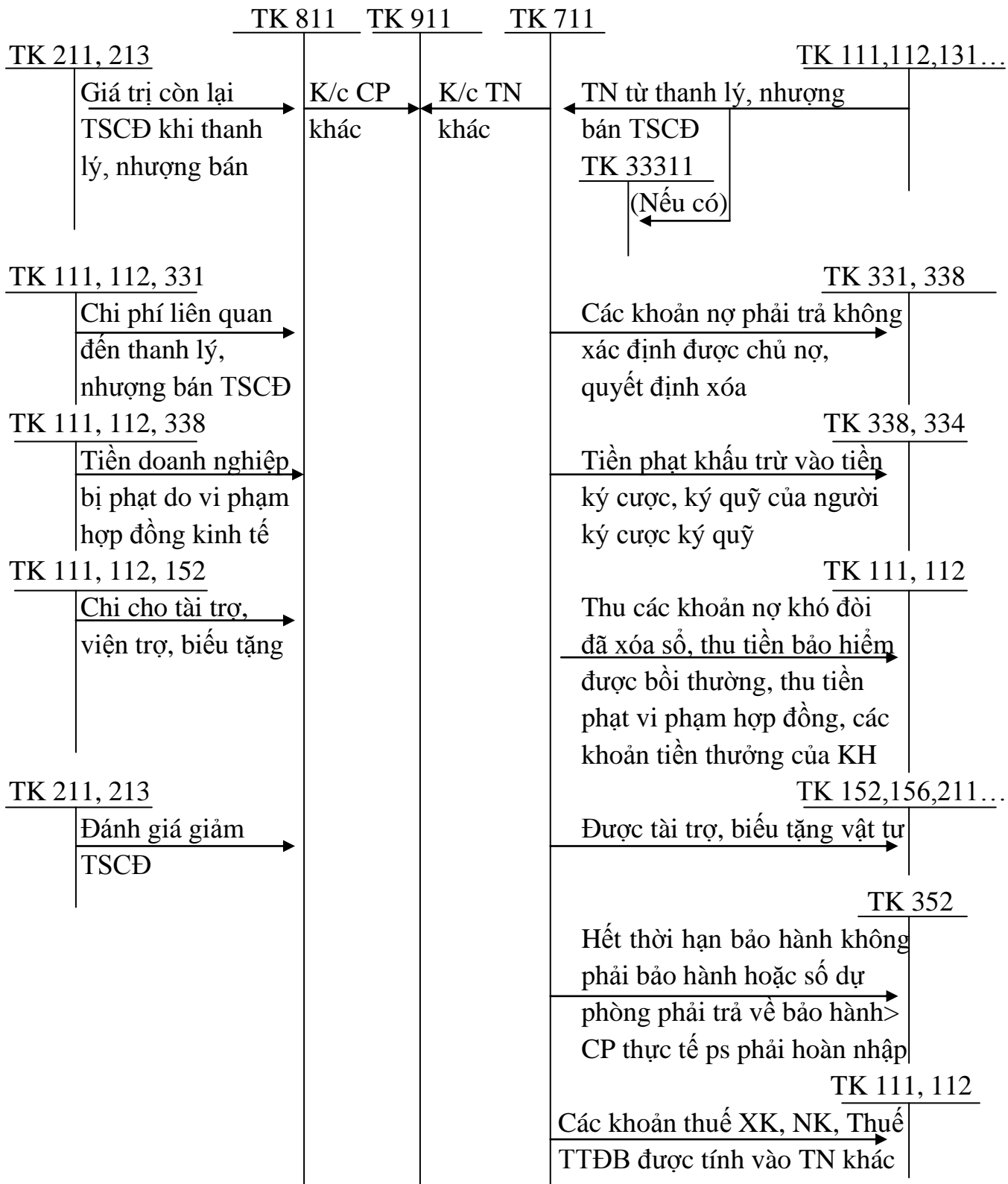
*Bên Có :*

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 811 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

**c. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu**

**Sơ đồ 1.8:** Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về TN khác và CP khác



## 1.2.6. Tổng quan về kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

### 1.2.6.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) kế toán sử dụng:

❖ Tài khoản 821 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: tài khoản này được dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Căn cứ để tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{trong năm} \\ \text{tính thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{DT để tính thu} \\ \text{nhập chịu thuế} \\ \text{trong năm tính} \\ \text{thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CP hợp lý} \\ \text{trong năm} \\ \text{tính thuế} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế khác trong} \\ \text{năm tính thuế} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thuế} \\ \text{thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Hiện nay thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

### 1.2.6.2. Tổng quan về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

#### a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán kết chuyển

#### b. Tài khoản sử dụng:

❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh: TK này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

❖ Kết cấu TK 911:

*Bên Nợ:*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết chuyển lãi

*Bên có:*

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lỗ

TK 911 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

❖ TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

TK 421 có thể có số dư nợ hoặc số dư có.

**b. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:**

Kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Kết quả kinh} \\
 \text{doanh}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt động} \\
 \text{sản xuất kinh doanh}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt} \\
 \text{động tài} \\
 \text{chính}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt} \\
 \text{động khác}
 \end{array}$$

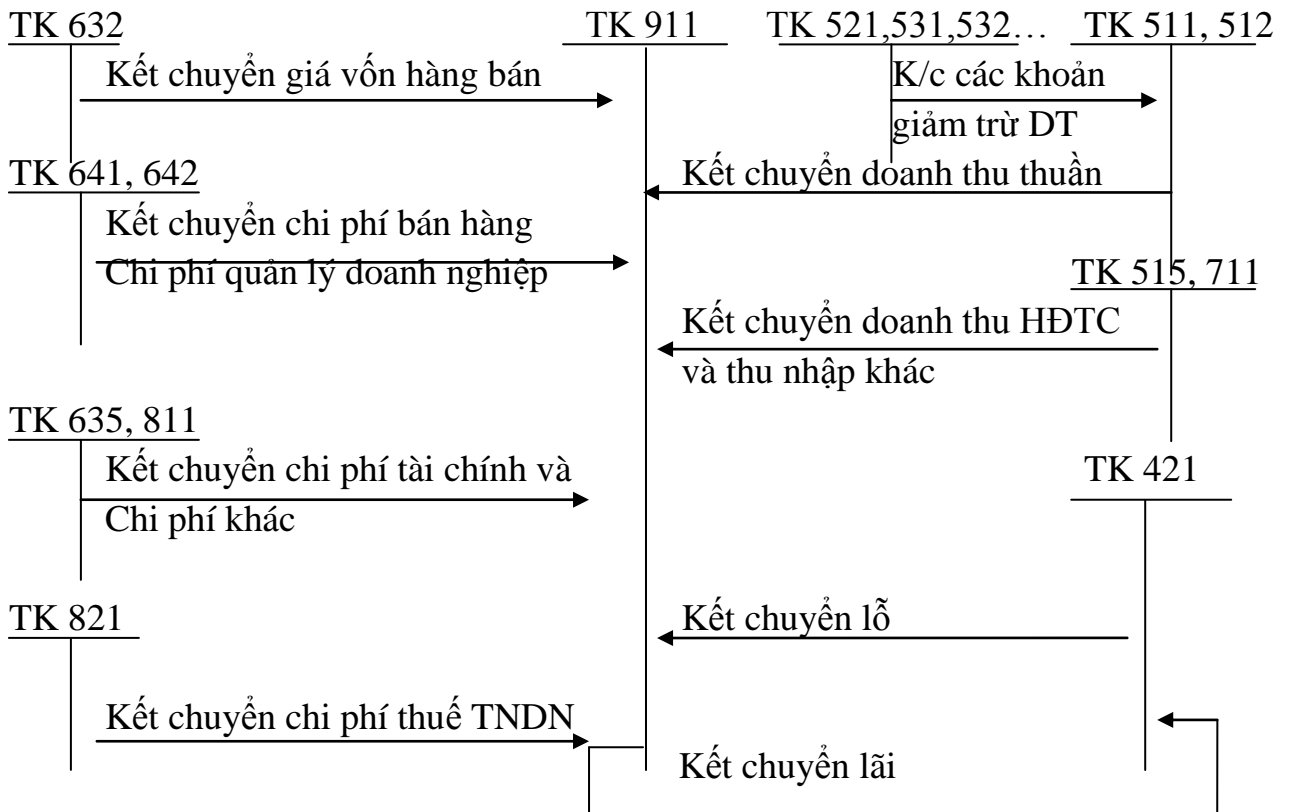
Trong đó:

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Kết quả hoạt động tài chính** là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

**Kết quả hoạt động khác** là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế TNDN.

**Sơ đồ 1.9:** Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về kế toán xác định kết quả kinh doanh



---

## CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH ĐỒNG

### 2.1. Tổng quan về công ty cổ phần Thành Đồng

#### 2.1.1. Sự hình thành và phát triển của công ty

❖ Sự hình thành:

- Tên công ty: **Công Ty Cổ Phần Thành Đồng**
- Tên tiếng anh: **THANHDONG JSC**
- Tên viết tắt: **TD.,JSC**
- Vốn điều lệ: 12,5 tỷ đồng (Mười hai tỷ năm trăm triệu đồng)
- Trụ sở chính: Xã Bình Dương – Huyện Đông Triều – Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 033 3870199
- Fax: 033 3673565
- Email: [marketing@thanhdongceramic.com](mailto:marketing@thanhdongceramic.com)
- Website: [www.thanhdongceramic.com](http://www.thanhdongceramic.com)
- Giấy ĐKKD: số 2202000324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/12/2002. Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 12,7 tỷ đồng. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 số 2203001626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/08/2008 với vốn điều lệ là 12,7 tỷ đồng. Đăng ký thay đổi lần 1 số 5700428488 cấp ngày 05/12/2011 với vốn điều lệ là 12,7 tỷ đồng.
- Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 20/12/2002.

❖ Những thuận lợi, khó khăn của công ty:

Thuận lợi:

Thuận lợi đầu tiên của công ty phải nói đến vị trí địa lý:

Công ty cổ phần Thành Đồng nằm Km 45, quốc lộ 18A, thuộc xã Bình Dương, Huyện Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, rất thuận tiện đường giao thông đi lại, phát triển ngành du lịch.



Công ty cổ phần Thành Đồng với diện tích là 21.484,4m<sup>2</sup>. Hàng năm công ty sản xuất được tương đối nhiều sản phẩm như năm 2012 sản xuất được 160.900 sản phẩm ước tính đạt mức doanh thu 29,5 tỷ đồng.

Công ty luôn chú ý đến việc đầu tư nâng cấp vào máy móc thiết bị hiện đại qua đó đã làm nâng cao số lượng và chất lượng sản phẩm.

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt tình và luôn có trách nhiệm với công việc và sự lãnh đạo sáng suốt của ban quản trị công ty, công ty đã ngày càng phát triển.

Trong thời gian qua, Thành Đồng đã tạo dựng được một hệ thống khách hàng thân thiết, tín nhiệm trên thế giới.

Chất lượng sản phẩm luôn là mối quan tâm hàng đầu của công ty. Vì vậy, quy trình kỹ thuật và sản phẩm của công ty luôn được kiểm soát bởi hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Công ty cổ phần Thành Đồng cam kết với khách hàng luôn thực hiện đúng hợp đồng, đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên nghiệp và đúng thời gian quy định, luôn tạo sự hài lòng cho quý khách khi sử dụng sản phẩm của công ty. Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, có trình độ chuyên môn cao, công ty cổ phần Thành Đồng sẵn sàng hợp tác với các bạn hàng trên thị trường thế giới.

#### Khó khăn:

- + Do hàng gốm đã thất truyền 400 năm trước đây làm cho công nhân có tay nghề không còn nhiều đa số toàn công nhân trẻ chưa có kinh nghiệm trong nghề.
- + Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, những mặt hàng truyền thống gặp phải khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường, nhu cầu tiêu dùng ảnh hưởng nhiều bởi nền kinh tế. Hơn nữa giá cả luôn biến động ảnh hưởng rất nhiều tới tình hình sản xuất của doanh nghiệp
- + Doanh nghiệp sản xuất với quy mô nhỏ, thiết bị sản xuất sản xuất còn thủ công chưa nâng cao được năng xuất lao động.

Tuy còn gặp nhiều khó khăn trong mọi lĩnh vực song công ty đã từng bước khắc phục và phát triển đưa sản phẩm ra đông đảo thị trường trong và ngoài nước.

### **2.1.2.1. Ngành nghề sản xuất kinh doanh**

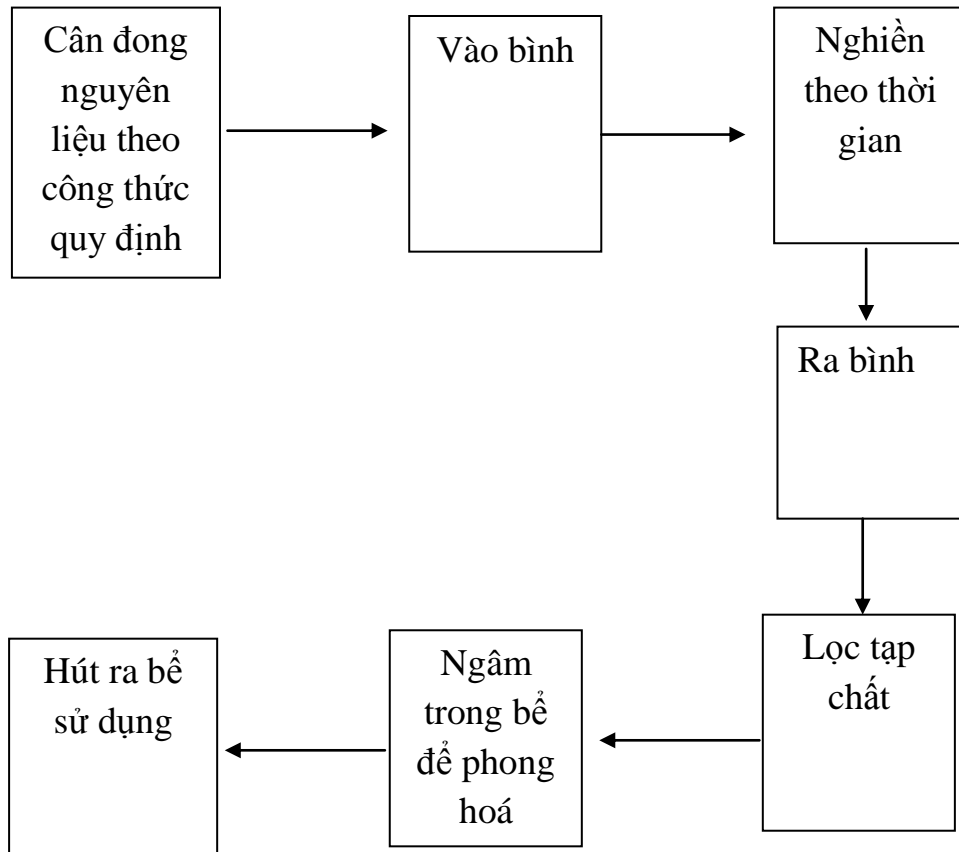
Ngành nghề kinh doanh của công ty:

- + Vận tải san lấp mặt bằng
- + Xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi
- + Khai thác, kinh doanh và chế biến khoáng sản
- + Sửa chữa chữa cơ khí
- + Kinh doanh nội thất gia đình và văn phòng
- + Nạo vét luồng lạch, sông ngòi, ao hồ
- + Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thu mua đất sét, cát, đá, sỏi
- + Kinh doanh điếm dừng chân du lịch
- + Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, gốm sứ xuất khẩu
- + Kinh doanh chế biến than nội địa

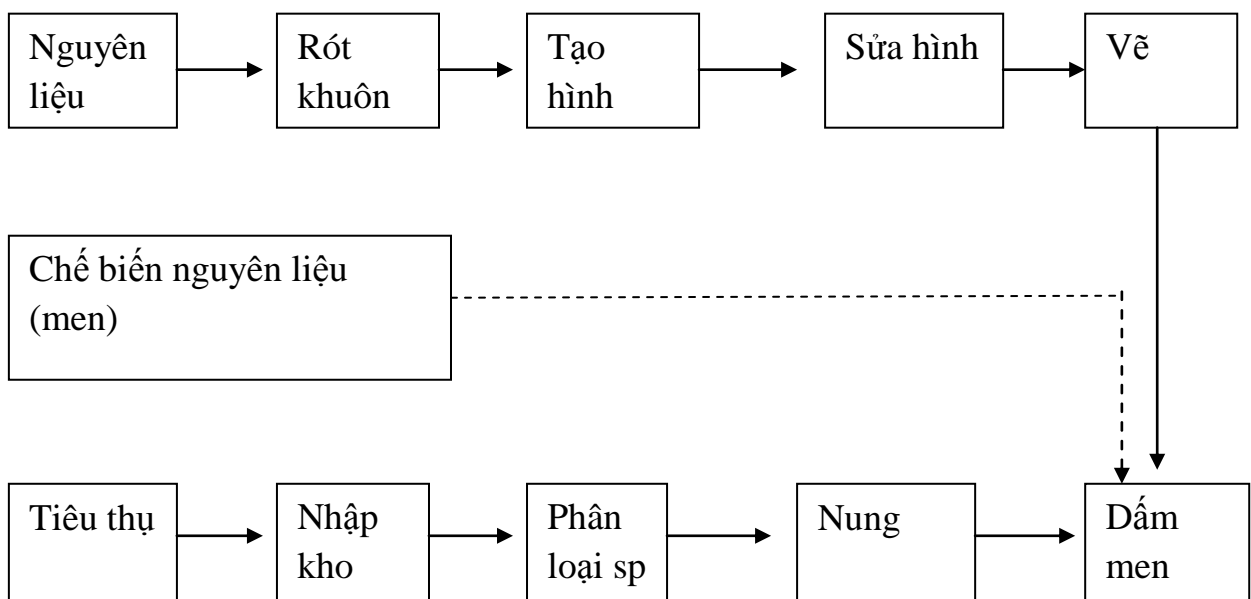
### **2.1.2.2. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất chủ yếu**

Quy trình công nghệ của công ty cổ phần gốm sứ thành đồng là quy trình công nghệ sản xuất theo dây chuyền, tổ chức sản xuất liên tục, khép kín với lò nung nấu hiện đại.

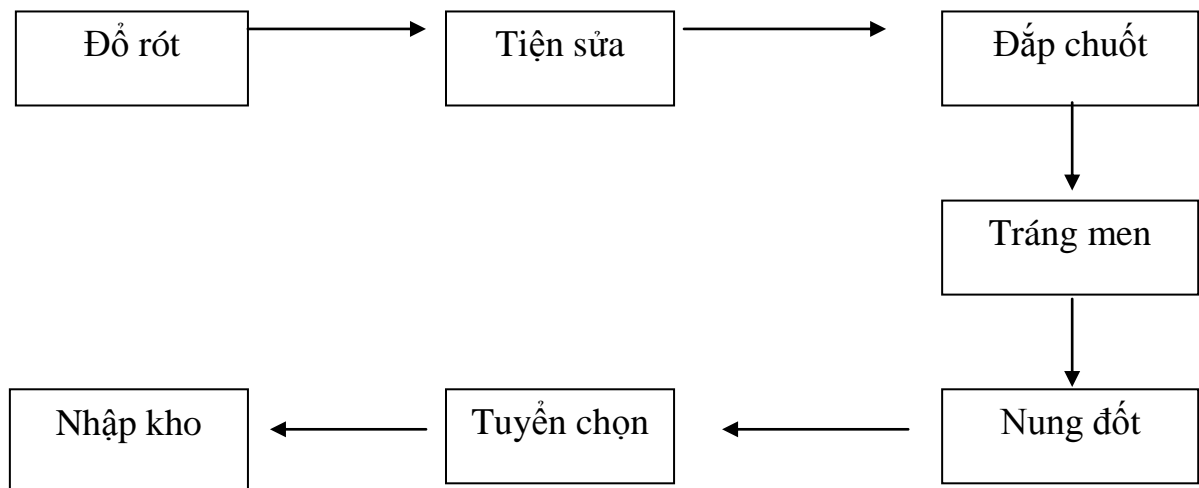
**Sơ đồ 2.1. Quy trình chế biến nguyên liệu.**



**Sơ đồ 2.2: Quy trình sản xuất sản phẩm:**

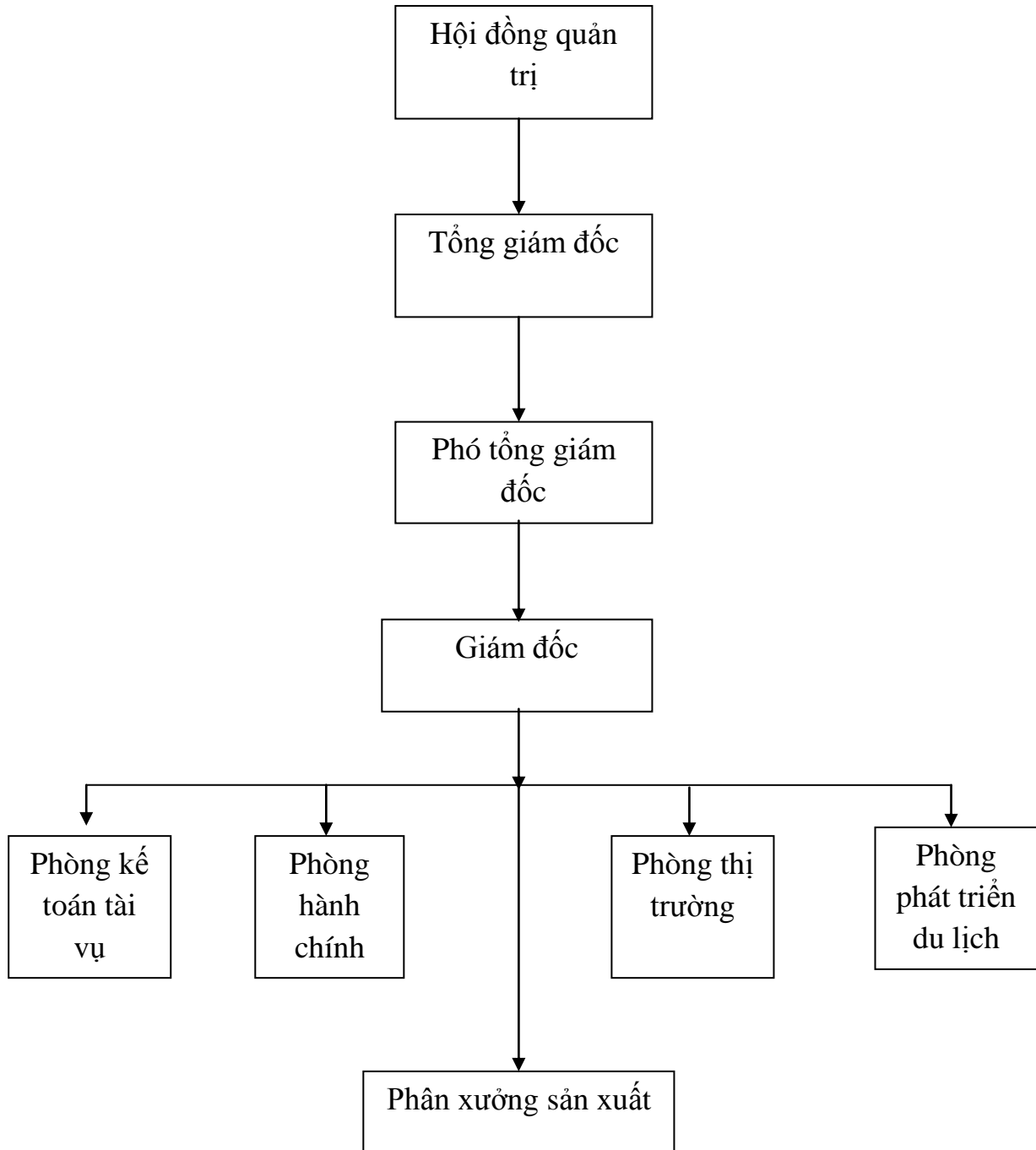


**Sơ đồ 2.3: Quy trình sản xuất gôm tại công ty:**



**2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty**

***Sơ đồ 2.5: Bộ máy quản lý của công ty:***



Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của doanh nghiệp và phù hợp với cơ chế kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy theo mô hình trực tuyến chức năng.

◆ **Chức năng, nhiệm vụ ban quản lý công ty:**

- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản trị cao nhất ở công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của công ty, quyết định chiến lược phát triển của công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các bộ phận quản lý thuộc phạm vi quản lý của Hội đồng quản trị.

- Tổng giám đốc công ty: Là người phụ trách chung toàn bộ mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về việc sử dụng nguồn vốn, bảo toàn và phát triển vốn được giao. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguyên liệu sản xuất, lo đủ công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên trong công ty đảm bảo mức thu nhập theo quy định và chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên cải thiện điều kiện làm việc.

- Phó tổng giám đốc công ty: Là người thay giám đốc theo dõi và chỉ đạo trực tiếp sản xuất, sau đó báo cáo tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Giám đốc: là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, là người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt động của công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty. Giám đốc đưa ra các đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của công ty.

◆ **Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, phân xưởng:**

- Phòng tổ chức hành chính: Là cơ quan tham mưu giúp giám đốc xây dựng và tổ chức bộ máy SXKD. Thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước đối với cán bộ công nhân viên, tuyển dụng đào tạo công tác bảo vệ kinh tế chính trị đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp.

- Phòng kế toán tài vụ: Cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp cho ban lãnh đạo và các bên có liên quan, hạch toán lỗ lãi, đánh giá kết

quả quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

- Phòng kinh doanh: Tổ chức thu thập và tìm kiếm các thông tin về chất lượng sản phẩm, giá cả, các hợp đồng kinh tế của hàng gốm mỹ nghệ trên thị trường, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm đơn vị sản xuất ra.

- Phòng phát triển du lịch: Nghiên cứu phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm với nước bạn.

- Phòng thị trường: Chuyên môn nghiên cứu các mặt hàng mới để đáp ứng nhu cầu thị trường, nghiên cứu mẫu mã, bao bì phù hợp đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu quy chế chuyên môn.

- Phân xưởng sản xuất: Gồm có hai phân xưởng chính:

+ Phân xưởng gốm cổ truyền: Chuyên sản xuất những mặt hàng gốm cổ, truyền thống.

+ Phân xưởng gốm Miền Nam: Là nơi sản xuất những mặt hàng đồ gốm mỹ nghệ, tinh xảo, hiện đại.

### **2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty**

#### **2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Phương thức tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp thực chất là cách tổ chức thực hiện ghi chép, phân loại tổng hợp các nhiệm vụ phát sinh theo nội dung công tác kế toán bằng phương pháp khoa học của kế toán phù hợp với đặc điểm quy mô, tình hình cụ thể của doanh nghiệp để phát huy vai trò quan trọng của công tác kế toán quản lý vi mô và vĩ mô của nền kinh tế.

Trước yêu cầu của nền kinh tế và căn cứ tình hình cụ thể của doanh nghiệp, doanh nghiệp đã chọn hình thức công tác kế toán tập trung với hình thức công tác kế toán này đã tập trung thống nhất được mọi hoạt động của kế toán trưởng với các hoạt động khác của doanh nghiệp.

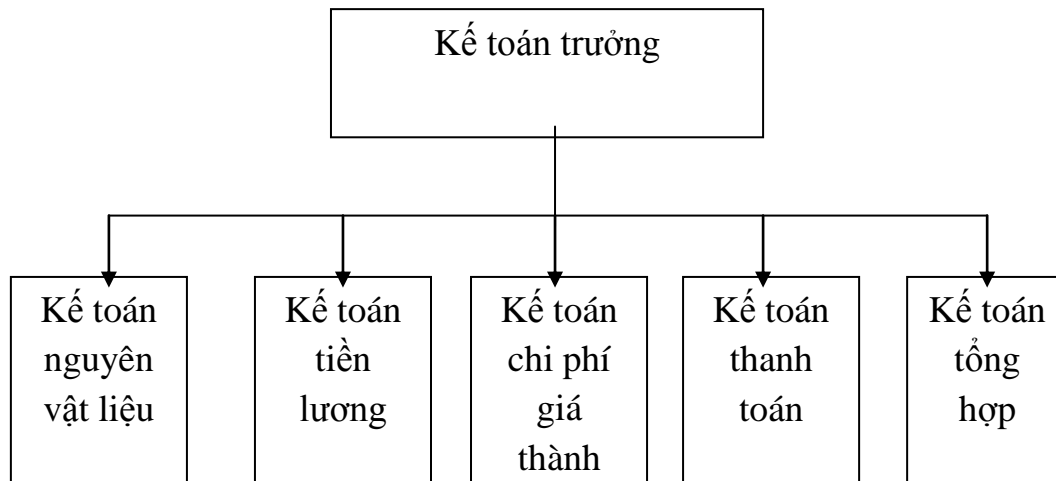
#### **• Sơ đồ bộ máy kế toán.**

Bộ máy kế toán của doanh nghiệp được đặt dưới sự quản lý của giám đốc tài chính. Việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ, nội dung công tác kế toán trong

doanh nghiệp do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Do vậy việc tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán sao cho phù hợp, gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin một cách chính xác và đầy đủ, hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ kế toán.

Hiện nay cán bộ kế toán của doanh nghiệp được thực hiện theo hình thức tập trung, bộ máy kế toán bao gồm một trưởng phòng kế toán kiêm kế toán trưởng, hai kế toán viên và một thủ quỹ, có thể khái quát bộ máy kế toán theo sơ đồ như sau:

**Sơ đồ 2.6: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty**



**Chức năng của từng bộ phận**

- Trưởng phòng kế toán kiêm kế toán trưởng: Là người chịu trách nhiệm trước giám đốc tài chính về hoạt động của bộ phận mình, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của từng nhân viên, đồng thời thực hiện báo cáo quyết toán tài chính năm về các khoản quyết toán...
- Kế toán chi phí giá thành: Là người chịu trách nhiệm tổng hợp các số liệu của kế toán chi tiết vào sổ tổng hợp, đồng thời theo dõi kho thành phẩm, sản phẩm dở dang, theo dõi hàng hoá được bán ra...
- Kế toán tiền lương: Là người chịu trách nhiệm chi, trả lương cho công nhân viên trong doanh nghiệp.



- Kế toán nguyên vật liệu: Có nhiệm vụ theo dõi chi tiết tình hình nhập, xuất từng loại vật tư như: nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Hàng tháng theo dõi đối chiếu kiểm tra nhập, xuất tồn kho để báo cáo trưởng phòng xin ý kiến của giám đốc...
- Kế toán thanh toán: Chịu trách nhiệm thanh toán các khoản phát sinh trong công ty.
- Kế toán tổng hợp: Tổng hợp, thống kê số liệu dưới phân xưởng báo cáo cho cấp trên.

### **2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán**

Các chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng được áp dụng theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

### **2.1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán**

- Hình thức sổ áp dụng: Nhật ký chung

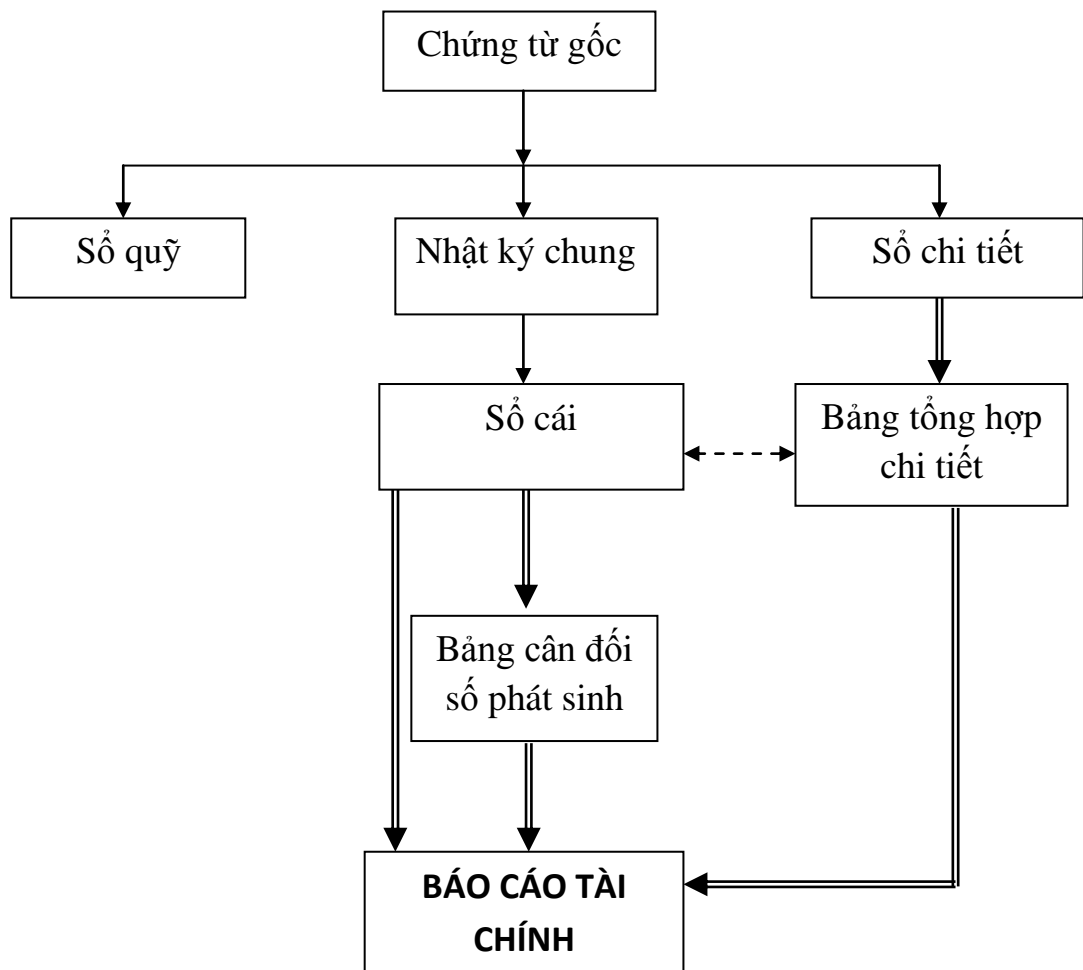
Hình thức ghi sổ:

Xuất phát từ đặc điểm và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại doanh nghiệp, hiện nay doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung**



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

**Quy trình:**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán vào sổ Nhật ký chung, sau đó được dùng ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ ghi sổ Nhật ký chung được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

Sau khi đối chiếu, khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối phát sinh được dùng lập báo cáo tài chính.

▲ Chế độ kế toán áp dụng của công ty.

Công ty cổ phần Thành Đồng áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC.

- Niên độ kế toán: Là 1 năm từ 01/01/N đến 31/12/N+1.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ, theo phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác theo tỷ giá thực tế.

- Phương pháp kế toán TSCĐ:

+ Nguyên tắc đánh giá: Theo nguyên giá TSCĐ

+ Phương pháp khấu hao áp dụng: phương pháp tuyến tính

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

+ Nguyên tắc đánh giá: Theo giá trị hàng tồn kho thực tế

+ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Trị giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ.

#### **2.1.3.4. Tổ chức hệ thống BCTC**

Hệ thống BCTC công ty áp dụng theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 - DNN)

- Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02 - DNN)

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 - DNN)

- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 - DNN)

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thành Đồng**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của công ty chủ yếu là từ hoạt động bán hàng với các sản phẩm như: đồ gốm, vật dụng: lục bình, bát, đĩa, lọ, chậu các loại bằng gốm...

Hiện nay, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty chủ yếu là từ thành phẩm ( TK 155), ngoài ra còn từ tài khoản 156- Hàng hoá, tài khoản 157 – Hàng gửi bán.

*Về khối lượng sản phẩm xuất bán:* Được thoả thuận chi tiết với khách hàng khi ký kết hợp đồng, làm căn cứ cho phòng kế hoạch lên kế hoạch sản xuất, đảm bảo giao hàng đúng đủ theo hợp đồng.

*Về giá bán sản phẩm:* Được ghi trên bảng giá do Công ty đưa ra. Giá các sản phẩm này tương đối ổn định, vừa đáp ứng khả năng thanh toán của mọi khách hàng, vừa đảm bảo tính cạnh tranh với các đơn vị khác..

Công ty bán hàng chủ yếu dựa vào các hợp đồng ký kết của khách hàng. Công ty sản xuất theo hợp đồng, theo đơn đặt hàng và bán hàng trực tiếp tại các quầy hàng của công ty. Khi các sản phẩm được xác định là tiêu thụ, kế toán tiến hành ghi nhận doanh thu. Khi ghi nhận doanh thu, Công ty sử dụng hoá đơn GTGT.

Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- Liên 1: màu tím, lưu gốc
- Liên 2: màu đỏ, giao cho khách hàng
- Liên 3: màu xanh, dùng để ghi sổ

#### **a. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho, Biên bản giao nhận hàng hóa, Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng...

**b. Tài khoản sử dụng**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 156: Hàng hóa
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 3331: Thuế GTGT đầu ra
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK liên quan khác.

**c. Quy trình hạch toán**

Quy trình ghi sổ kế toán tại công ty như sau:

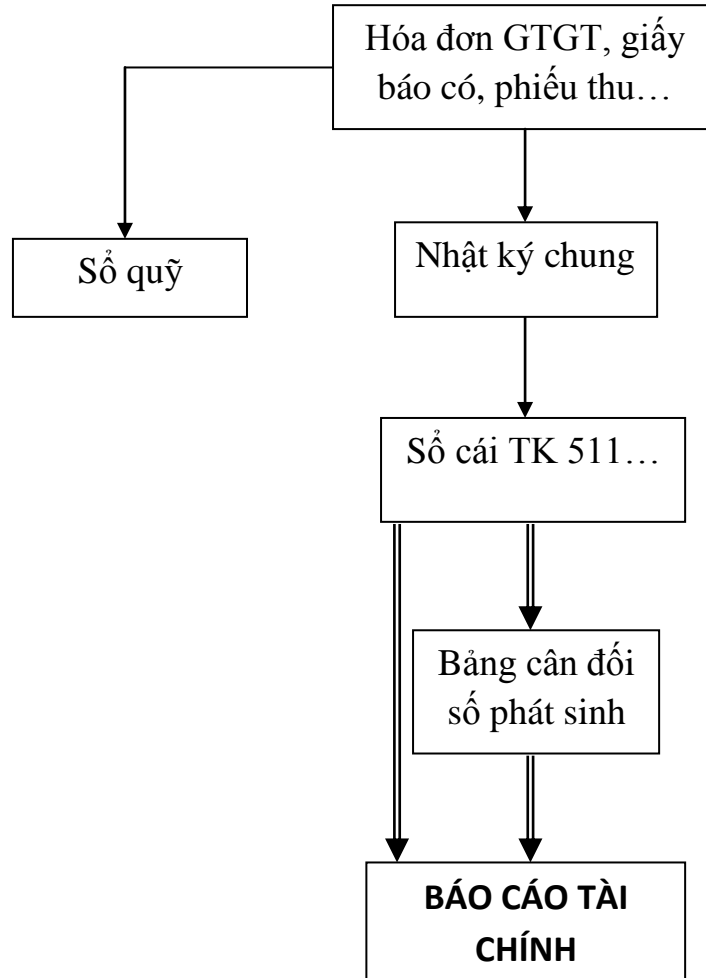
Khi nhận được đơn đặt hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hóa. Phiếu xuất kho sau khi viết xong chuyển cho thủ kho để xuất hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho, thủ kho phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không. Sau đó, kế toán lập hóa đơn GTGT về bán hàng hóa.

Trên hóa đơn GTGT phải đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ bán hàng
- Tên đơn vị bán hàng, địa chỉ, số điện thoại, số fax (nếu có), mã số thuế
- Họ và tên người mua hàng, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế
- Hình thức thanh toán
- Tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu, số thuế GTGT, tổng số tiền thanh toán

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho để làm căn cứ ghi sổ kế toán, các chứng từ kế toán.

**Sơ đồ 2.2.1: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty**



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- =====> Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- ←----→ Đối chiếu, kiểm tra

Quy trình luân chuyển chứng từ được diễn ra như sau: Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ như hóa đơn mua hàng, hóa đơn bán hàng để ghi vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi ở sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 511, TK 641, TK 642,...

Cuối kỳ, từ các số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ đó lập báo cáo tài chính.

**Ví dụ minh họa:**

**Ví dụ 1:** Ngày 15 tháng 12 năm 2011 phát sinh nghiệp vụ bán hàng thu tiền mặt số tiền 8.000.000 chưa thuế GTGT 12%. Giá vốn của lô hàng là 5.800.000 đồng, đã thu bằng tiền mặt.

**Ví dụ 2:** Ngày 16/12/2011 phát sinh nghiệp vụ bán hàng thu bằng chuyển khoản số tiền cả thuế GTGT 12% là 77.000.000 đồng. Giá vốn của lô hàng là 61.425.000 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0009525 (biểu số 2.1), hóa đơn GTGT số 0009526 (biểu 2.2), phiếu thu số 128 (biểu số 2.3), giấy báo có ngân hàng NN&PTNT (biểu 2.4), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.5).

Từ số liệu ghi ở sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu 2.6).

**Biểu số 2.1:**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			AA/11P		
Liên 3: (Lưu nội bộ)			0009525		
Ngày 15 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Thành Đồng					
Địa chỉ: Bình Dương-Đông Triều-Quảng Ninh					
Tài khoản:.....					
Điện Thoại: 033.3870199		MST: 5700428488			
Họ tên người mua hàng: Trần Anh Văn					
Đơn vị: Công ty CP Hùng Anh					
Địa chỉ: TT Đông Triều- Quảng Ninh					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt		MST: 5700274433			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Lục Bình nhỏ	Chiếc	200	25.000	5.000.000
2	Lục Bình nhỏ	Chiếc	120	30.000	3.000.000
Cộng tiền hàng:					8.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					800.000
Tổng tiền thanh toán:					8.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	



**Biểu 2.2:**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			AA/11P		
Liên 3: (Lưu nội bộ)			0009526		
Ngày 16 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Thành Đồng					
Địa chỉ: Bình Dương-Đông Triều-Quảng Ninh					
Tài khoản:.....					
Điện Thoại: 033.3870199      MST: 5700428488					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Linh					
Đơn vị: Công ty TNHH Minh Tuyệt					
Địa chỉ: Hồng Phong - Đông Triều - Quảng Ninh					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: CK      MST: 5700128922					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bát con	Hộp	350	200.000	70.000.000
Cộng tiền hàng:					70.000.000
Thuế suất GTGT: 10%    Tiền thuế GTGT					7.000.000
Tổng tiền thanh toán:					77.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

**Biểu 2.3:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

**Mẫu số: 01 - TT**

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU THU**

Quyển số: 23

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Số: 128

Nợ TK 111: 8.800.000VND

Có TK 511: 8.000.000 VND

Có TK 3331: 800.000 VND

Họ tên người nộp tiền: Trần Anh Văn

Địa Chỉ: Đông Triều-Quảng Ninh

Lý do thu: Thu tiền hàng HĐ 0009525

Số tiền: 8.800.000

Viết bằng chữ : Tám triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

<b>Thủ trưởng</b>	Kế toán trưởng	Người lập	Thủ quỹ	Người nộp
(Ký tên, đóng	(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ	(Ký, ghi họ	(Ký, ghi họ
dấu)		tên)	tên)	tên)

**Biểu 2.4:**

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG  
NINH**

Số tham chiếu: 32185TT111200035

Loại chuyển tiền: KO

Ngày lập lệnh: 16/12/2011

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày: 16/12/2011

Ngân hàng gửi lệnh: **IKO4207**

CNNH NN &amp; PTNN T.Quảng Ninh

Ngân hàng nhận lệnh: **IKO3500**

CNNH NN &amp; PTNN T.Quảng Ninh

**Người phát lệnh:** Nguyễn Thị Hoa

Địa chỉ/CMND:

Tài khoản: Tại IKO4207 CNNH NN & PTNN  
T.Quảng Ninh**Người nhận lệnh:** Công ty cổ phần Thành Đồng

Địa chỉ/CMND:

Tài khoản: 8003211230027 Tại IKO3500 CNNH NN & PTNN T.Quảng  
Ninh

Chương loại khoản mục:

Mã số thuế:

Số tiền: 77.000.000 VNĐ

Bảy mươi bảy triệu đồng chẵn.

**Nội dung:** Công ty TNHH Minh Tuyết thanh toán tiền hàng**Thời gian chuyển tiền:** 16/12/2011 15:42:26 **Ngày nhận:** 16/12/2011  
15:52:52

Ngày in: 16/12/2011 15:54:26

Thanh toán viên

Kiểm soát

**Biểu 2.5:**

Công ty cổ phần Thành Đồng  
 Bộ phận: Kế toán

Mẫu số S03a-DNN  
 Ban hành theo QĐ 48/QĐ-BTC  
 ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			.....					
1/12	PC155	1/12	Mua NVL nhập kho			152	17.220.000	
1/12	PC155	1/12	Thuế GTGT đầu vào			133	1.722.000	
1/12	PC155	1/12	Thanh toán tiền hàng			111		18.942.000
15/12	PXK 168	15/12	Giá vốn hàng bán			632	5.800.000	
15/12	PXK 168	15/12	Giá vốn hàng bán			155		5.800.000
15/12	PT 128	15/12	Bán hàng thu TM			111	8.800.000	
15/12	PT 128	15/12	Bán hàng thu TM			511		8.000.000
15/12	PT 128	15/12	Bán hàng thu TM			3331		800.000
16/12	PXK 169	16/12	Giá vốn hàng bán			632	61.425.000	
16/12	PXK 169	16/12	Giá vốn hàng bán			155		61.425.000
16/12	GBC 1612	16/12	Bán hàng thu bằng TGNH			112	77.000.000	
16/12	GBC 1612	16/12	Bán hàng thu bằng TGNH			511		70.000.000
16/12	GBC 1612	16/12	Bán hàng thu bằng TGNH			3331		7.000.000
			.....					
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>84.291.153.400</b>	<b>84.291.153.400</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.6 :**

Công ty cổ phần Thành Đồng  
 Bộ phận: Kế toán

Mẫu số: S03b – DNN  
 Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC  
 Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT đồng		Nợ	Có
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>					
			.....					
15/12	PT 128	15/12	Bán hàng thu TM			111		8.000.000
16/12	GBC 1612	16/12	Bán hàng thu bằng TGNH			112		70.000.000
16/12	PT 129	16/12	Bán hàng thu TM			111		2.950.000
17/12	HD 9528	17/12	Bán hàng chưa thu tiền			131		22.750.000
19/12	HD 9529	19/12	Bán hàng cho Trần Lan Hương			131		12.250.000
20/12	GBC 2012	20/12	Bán hàng cho cty CP TM Vạn Lộc			112		28.600.000
			.....					
31/12	PKT 122	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý IV			911	2.685.500.000	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>2.685.500.000</b>	<b>2.685.500.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng bán trong kỳ tại công ty được xác định theo phương pháp bình quân liên hoàn. Theo phương pháp này:

$$\frac{\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i} = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng, kế toán sẽ xuất hóa đơn GTGT, sau đó chuyển xuống kho để thủ kho lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu
- Liên 2: Thủ kho giữ để lưu vào thẻ kho, sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán.
- Liên 3: Giao cho khách hàng

Căn cứ vào phiếu xuất kho phát sinh kế toán tập hợp vào sổ cái TK 632.

Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán, công ty sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

#### a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho hàng hóa
- Bảng kê bán hàng
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, séc thanh toán, giấy báo có của ngân hàng...

#### b. Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 156: Hàng hóa
- TK 111. TK 112...

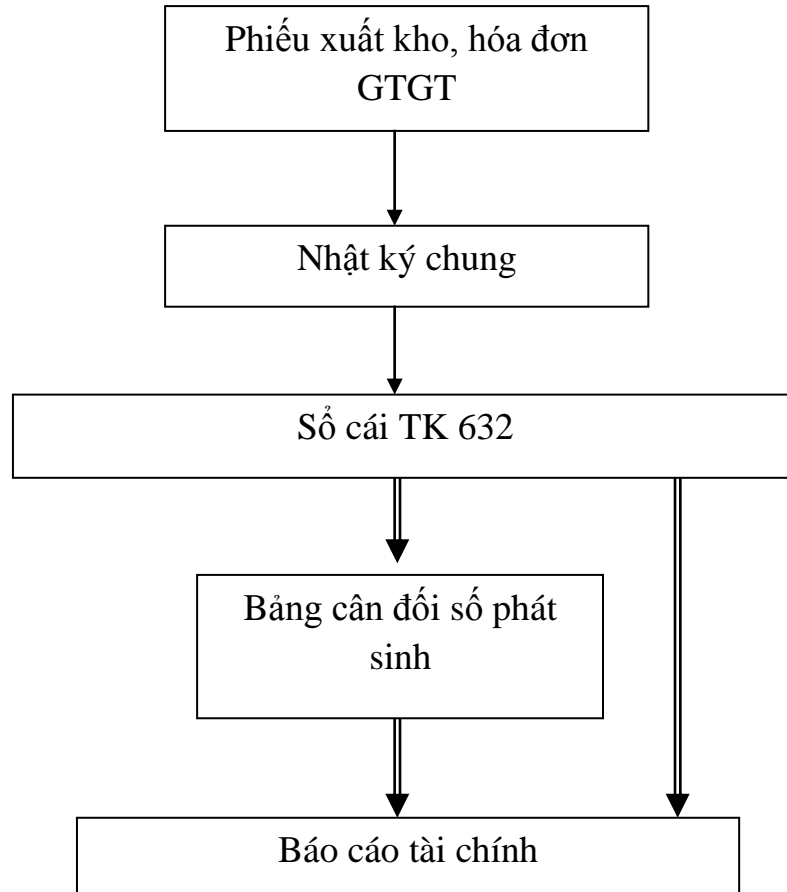
#### c. Quy trình hạch toán

- *Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty*

Hàng ngày, tại công ty phát sinh nghiệp vụ nhập kho hàng hóa và bán hàng hóa. Kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho và hóa đơn bán hàng để vào sổ chi tiết hàng hóa, bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa. Cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu trên

bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa để làm căn cứ tính trị giá vốn hàng bán cho từng loại hàng hóa.

**Sơ đồ 2.2.2: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty**



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- ====→ Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- ←----→ Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ minh họa:**

Lấy lại ví dụ ngày 15/12/2011, bán hàng thu tiền mặt số tiền 8.800.000 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0009525 (biểu số 2.1), phiếu xuất kho số 168 (biểu số 2.7), phiếu xuất kho số 169 (biểu số 2.8) kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.9), sau đó ghi vào sổ cái TK 632 (biểu 2.10).

**Biểu 2.7:**

Đơn vị: Công ty cổ phần Thành Đồng

**Mẫu số: 02 - VT**

Bộ phận: Kho

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số:168

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

TK nợ: 632

TK có: 155

Họ và tên người nhận hàng: Trần Anh Văn

Địa chỉ (bộ phận): Công ty CP Hùng Anh

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng hóa

Địa điểm: Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Lục Bình nhỏ		Chiếc	200	200	18.500	3.700.000
02	Lục Bình nhỏ		Chiếc	120	120	21.000	2.120.000
Cộng:							5.800.000

Số tiền bằng chữ: Năm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.



**Biểu 2.8:**

Đơn vị: Công ty cổ phần Thành Đồng

**Mẫu số: 02 - VT**

Bộ phận: Kho

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số:169

Ngày 16 tháng 12 năm 2011

TK nợ: 632

TK có: 155

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Linh

Địa chỉ (bộ phận): Công ty TNHH Minh Tuyệt

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng hóa

Địa điểm: Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Bát con		Hộp	350	350	175.500	61.425.000
Cộng:							61.425.000

Số tiền bằng chữ: Sáu một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.

**Biểu 2.9:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số S03a-DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			.....					
1/12	PC155	1/12	Mua NVL nhập kho			152	17.220.000	
1/12	PC155	1/12	Thuế GTGT đầu vào			133	1.722.000	
12/12	PNK 152	12/12	Nhập kho thành phẩm			155	14.625.000	
12/12	PNK 152	12/12	Nhập kho thành phẩm			154		14.625.000
15/12	PXK 168	15/12	Giá vốn hàng bán			632	5.800.000	
15/12	PXK 168	15/12	Giá vốn hàng bán			155		5.800.000
15/12	PT128	15/12	Bán hàng thu TM			111	8.800.000	
15/12	PT128	15/12	Bán hàng thu TM			511		8.000.000
15/12	PT128	15/12	Bán hàng thu TM			3331		800.000
16/12	PXK 169	16/12	Giá vốn hàng bán			632	61.425.000	
16/12	PXK 169	16/12	Giá vốn hàng bán			155		61.425.000
16/12	GBC 1612	16/12	Bán hàng thu bằng TGNH			112	77.000.000	
16/12	GBC 1612	16/12	Bán hàng thu bằng TGNH			511		70.000.000
16/12	GBC 1612	16/12	Bán hàng thu bằng TGNH			3331		7.000.000
			.....					
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>84.291.153.400</b>	<b>84.291.153.400</b>

Ngày 31 thán 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.10:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số: S03b - DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ					
			.....					
15/12	PXK 168	15/12	Giá vốn hàng bán			155	5.800.000	
16/12	PXK 169	16/12	Giá vốn hàng bán			155	61.425.000	
16/12	PXK 170	16/12	Giá vốn hàng bán			155	2.183.000	
17/12	PXK 171	17/12	Giá vốn hàng bán			155	21.525.000	
19/12	PXK 172	19/12	Giá vốn hàng bán			155	8.825.000	
20/12	PXK 173	20/12	Giá vốn hàng bán			155	23.220.000	
20/12	PXK 174	20/12	Giá vốn hàng bán			155	75.605.000	
			.....					
31/12	PKT 123	31/12	K/C giá vốn hàng bán quý IV			911		2.015.550.000
			<b>Cộng phát sinh</b>				2.015.550.000	2.015.550.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

**a. Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thu phí dịch vụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

**b. Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh

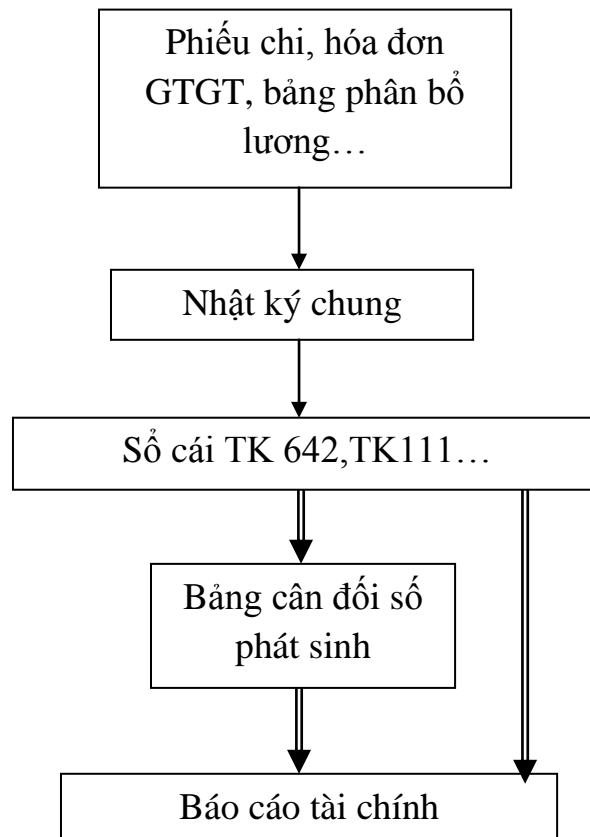
Tài khoản này bao gồm 2 tiểu khoản :

- + TK 6421: Chi phí bán hàng
- + TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Các TK liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 131...

**c. Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.2.3: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty**



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ minh họa:**

Ngày 18/12 năm 2011 công ty cổ phần Thành Đồng thanh toán tiền điện thoại và internet phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp số tiền 1.536.037 đồng (chưa thuế GTGT 12%) bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu 2.11) kế toán phản ánh vào phiếu chi (biểu 2.12), sau đó phản ánh vào sổ nhật ký chung (biểu 2.13), sổ cái TK 642 (biểu 2.14).

**Biểu 2.11:**

Mẫu số: 01GTKT2/001

Ký hiệu: AC/11P

Số: 0368060

**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**

Liên 2: Giao khách hàng

Mã số thuế: 5700121436

Viễn thông: Quảng Ninh

Địa chỉ:

Tên khách hàng: Công ty cổ phần Thành Đồng

Địa chỉ: Thôn Bắc Mã – Bình Dương – Đông Triều

Số điện thoại: 0333.370199

Mã số: 0300370199 – (31200009)

Hình thức thanh toán:

MST: 5700428488

STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
	Dịch vụ viễn thông chịu thuế: 11/2011 (Cước của 3 TBCĐ và 1 Account Internet)				1.536.037
Cộng tiền dịch vụ (1)					1.536.037
Thuế suất GTGT: 10% x(1)= Tiền thuế GTGT (2)					153.604
Tổng cộng tiền thanh toán(1+2)					1.689.641

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng.

Người nộp tiền ký

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Nhân viên giao dịch ký

**Biểu 2.12:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số: 02 - TT

Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Quyển số : 23

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Số: 186

Nợ TK 6422: 1.536.037 VND

Nợ TK 133: 153.604. VND

Có TK 111 : 1.689.641VND

Họ tên người nhận: Lê Thị Hoa

Địa chỉ: VNPT Quảng Ninh

Lý do chi: Chi tiền điện thoại và tiền internet

Số tiền: 1.689.641

Viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng chẵn./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Thủ quỹ	Người nhận
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ tên)

**Biểu 2.13:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số S03a-DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	SHT K đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			.....					
1/12	PC155	1/12	Mua NVL nhập kho			152	17.220.000	
1/12	PC155	1/12	Thuế GTGT đầu vào			133	1.722.000	
18/12	PC186	18/12	Chi tiền điện thoại, internet			6422	1.536.037	
18/12	PC186	18/12	Chi tiền điện thoại, internet			133	153.604	
18/12	PC186	18/12	Chi tiền điện thoại, internet			111		1.689.641
20/12	PXK 174	20/12	Giá vốn hàng bán			632	75.605.000	
20/12	PXK 174	20/12	Giá vốn hàng bán			155		75.605.000
20/12	GBC 2012	20/12	Bán hàng thu bằng TGNH			112	90.475.000	
20/12	GBC 2012	20/12	Bán hàng thu bằng TGNH			511		82.250.000
20/12	GBC 2012	20/12	Bán hàng thu bằng TGNH			3331		8.225.000
			.....					
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>84.291.153.400</b>	<b>84.291.153.400</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu 2.14 :**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số: S03b - DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ					
			.....					
18/12	PC186	18/12	Chi tiền điện thoại, internet			111	1.536.037	
19/12	PC187	19/12	Mua văn phòng phẩm			111	354.200	
21/12	PC188	21/12	Chi tiền tiếp khách			111	625.000	
			.....					
31/12	PKT 124	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh quý IV			911		89.502.901
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>89.502.901</b>	<b>89.502.901</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

---

**2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính**

Trên cơ sở khai thác sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi nhằm tăng thu nhập và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã có những hoạt động đầu tư tài chính như thu lãi tiền gửi ngân hàng, thu lãi từ tiền bán hàng chậm trả cho khách hàng, thu lãi từ việc cho vay vốn kinh doanh.

**a. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu trả lãi tài khoản
- Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh
- Bảng tính lãi bán hàng trả chậm
- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu chi, giấy báo nợ hợp đồng vay vốn
- Các chứng từ khác có liên quan...

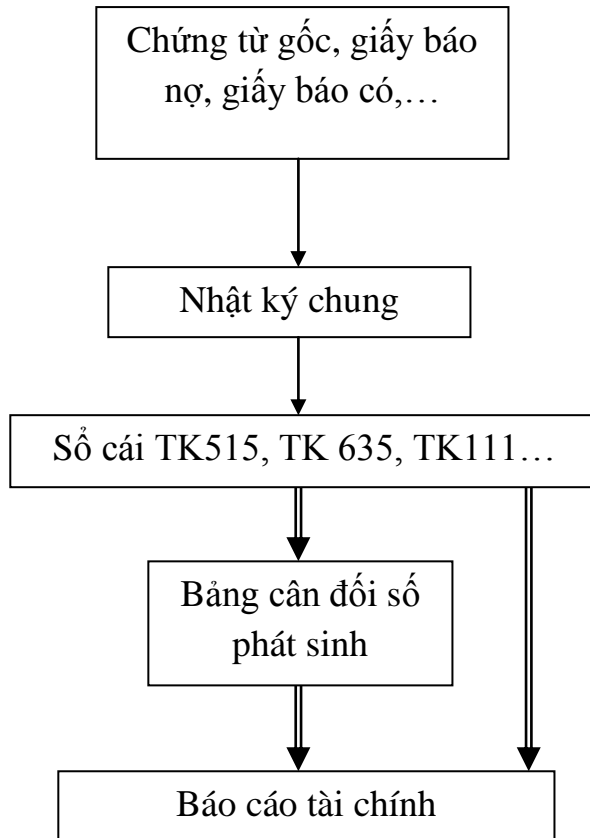
**b. Tài khoản sử dụng**

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

TK 635 – Chi phí tài chính

**c. Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.2.4: Quy trình hạch toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại Công ty**



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- ====→ Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- ←----→ Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ minh họa:**

Ngày 31/12/2011 công ty cổ phần Thành Đồng nhận được giấy báo có của Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn về tiền lãi nhận được số tiền 987.123 đồng.

Căn cứ vào giấy báo của ngân hàng (biểu 2.15), kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (biểu 2.16) sau đó vào sổ cái TK 515 (biểu 2.17).

**Biểu 2.15:**

Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam  
 NHNN & PTNT Quảng Ninh chi nhánh huyện Đông Triều  
 (Liên 2: Trả khách hàng)

**GIẤY BÁO CÓ**

Tên khách hàng: Công ty cổ phần Thành Đồng

Địa chỉ: Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

Mã số thuế của khách hàng: 5700428488

Thông báo với khách hàng chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách số tiền sau:

Diễn giải	Biên lai lãi tiền gửi			
A/C NO. (Số TK)	8003211230027	REF (Số BT)		
Chi tiết	Số tiền (VNĐ)	Ngày tháng		
Lãi nhập gốc	987.123	31/12/2011		
Tổng	987.123			
Người in	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	D: Nợ, C: Có	Trang 1/1	

Khách hàng

Thanh toán viên

Trưởng phòng

**Biểu 2.16:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số S03a-DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			.....					
6/12	PT127	6/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhậpquỹ			111	35,000,000	
6/12	PT127	6/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhậpquỹ			112		35,000,000
31/12	GBC 3112	31/12	Ngân hàng nông nghiệp trả lãi tiền gửi tháng 12			112	987.123	
31/12	GBC 3112	31/12	Ngân hàng nông nghiệp trả lãi tiền gửi tháng 12			515		987.123
			.....					
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>84.291.153.400</b>	<b>84.291.153.400</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.17:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số: S03b - DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

**DVT: đồng**

Ngày tháng g ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ					
			.....					
31/12	GBC 3112	31/12	Ngân hàng nông nghiệp trả lãi tiền gửi			112		987.123
			.....					
31/12	PKT 125	31/12	K/C DT tài chính quý IV			911	7.152.641	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>7.152.641</b>	<b>7.152.641</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

---

**2.2.5. Nội dung, trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động khác**

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là từ thanh lý, nhượng bán tài sản.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ, chủ yếu là chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.

**a. Chứng từ sử dụng**

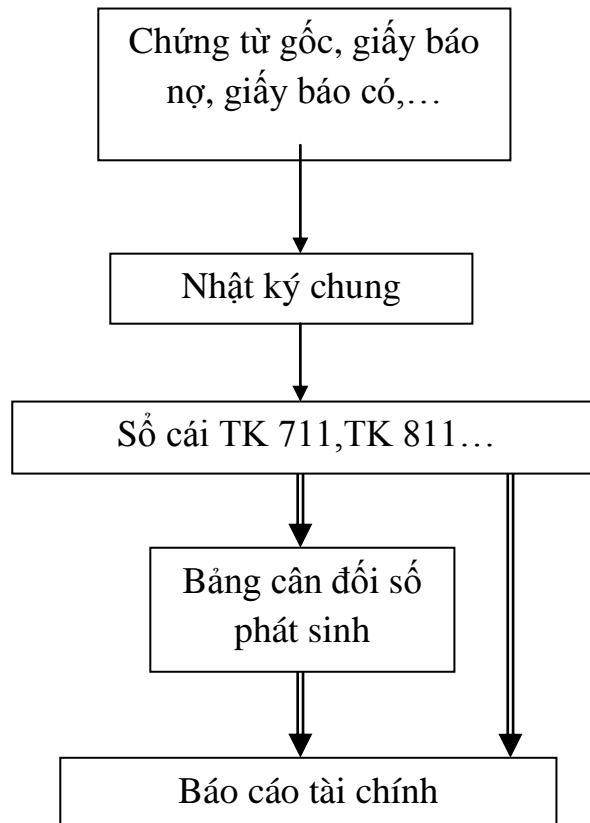
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

**b. Tài khoản sử dụng**

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

**c. Quy trình hạch toán**

**Sơ đồ 2.2.5: Quy trình hạch toán thu nhập khác, chi phí khác tại Công ty**



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- ====> Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

**Ví dụ minh họa:**

Ngày 22/12, nhượng bán 1 xe xúc lật sử dụng từ tháng 12 năm 2002, nguyên giá 550.000.000 đồng, đã khấu hao 458.333.333 đồng thu được 82.500.000 đồng, thuế GTGT 10% của công ty CP xây lắp Hùng Hưng.



**Biểu 2.18:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 120

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Nhượng bán xe xúc lật ngày	214	211	458.333.333
	22/12	811	211	91.666.667
	<b>Cộng</b>			<b>550.000.000</b>

Ngày 22 tháng 12 năm 2011

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



**Biểu 2.20:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số S03a-DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	ST T đôn g	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			.....					
22/12	PKT 120	22/12	Nhượng bán xe xúc lật			214	458.333.333	
22/12	PKT 120	22/12	Nhượng bán xe xúc lật			811	91.666.667	
22/12	PKT 120	22/12	Nhượng bán xe xúc lật			211		550.000.000
22/12	GBC 2212	22/12	Thu tiền nhượng bán			112	82.500.000	
22/12	GBC 2212	22/12	Thu tiền nhượng bán			711		75.000.000
22/12	GBC 2212	22/12	Thu tiền nhượng bán			3331		7.500.000
			.....					
			<b>Cộng phát sinh cả năm</b>				<b>84.291.153.400</b>	<b>84.291.153.400</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.21:**

Công ty cổ phần Thành Đông

Mẫu số: S03b - DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ					
22/12	PKT 120	22/12	Thu tiền nhượng bán			112		75.000.000
31/12	PKT 127	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh			911	75.000.000	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>75.000.000</b>	<b>75.000.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.22:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số: S03b - DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

ĐVT: đồng

Ngày tháng g ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT đồng		Nợ	Có
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>					
22/12	PKT 120	22/12	Nhượng bán xe xúc lật			211	91.666.667	
			.....					
31/12	PKT 128	31/12	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh			911		93.666.667
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>93.666.667</b>	<b>93.666.667</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

---

**2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thành Đồng**

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều quan tâm đến hiệu quả kinh doanh. Công ty cổ phần Thành Đồng cũng không nằm ngoài quan điểm trên, kết quả kinh doanh của công ty chính là kết quả bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Hạch toán ban đầu: số liệu kế toán kết quả kinh doanh là số liệu kế thừa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trước đó.

Vì kế toán xác định kết quả kinh doanh mang tính chất kế thừa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nên để đảm bảo có thông tin chính xác, kế toán tại công ty thường xuyên kiểm tra đối chiếu sổ sách với các chứng từ gốc về thu nhập, chi phí như hóa đơn thu phí, phiếu chi, giấy báo nợ... để chắc chắn số liệu trên các sổ kế toán là đúng, đảm bảo cho việc xác định kết quả kinh doanh là chính xác.

**a. Chứng từ, sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Các sổ cái liên quan: 511, 515, 632, 642...

**b. Tài khoản sử dụng**

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 632 – Giá vốn hàng bán

.....

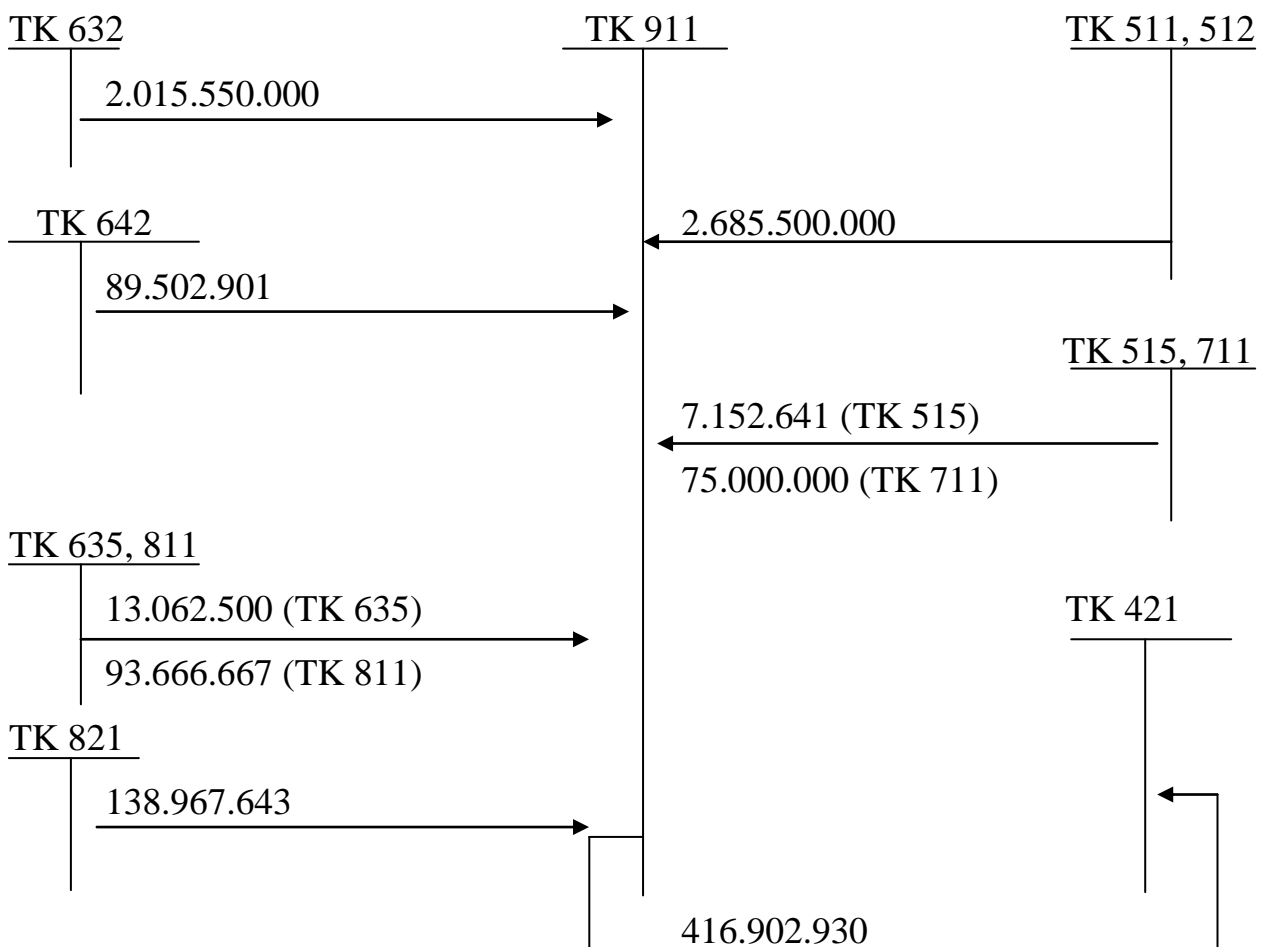
**c. Phương pháp tính toán và kết chuyển**

Phương pháp tính toán

Kết quả kinh doanh	=	Doanh thu thuần	-	Chi phí (giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp...)	+	Kết quả hoạt động kinh doanh	+	Kết quả hoạt động khác
--------------------	---	-----------------	---	--	---	------------------------------	---	------------------------

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Kết chuyển: Ngày 31/12, kế toán trưởng xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp thực hiện các bút toán kết chuyển như sau:



Cuối tháng căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, các phiếu kế toán để ghi sổ cái TK 911, TK 421, TK 821.

**Biểu 2.23:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 122

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c DT bán hàng và cung cấp DV	511	911	2.685.500.000
	Cộng			2.685.500.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu 2.24:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 123

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c giá vốn hàng bán	911	632	2.015.550.000
	Cộng			2.015.550.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU



**Biểu 2.25:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 124

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911	642	89.502.901
	Cộng			89.502.901

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu 2.26:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 125

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c DT hoạt động tài chính	515	911	7.152.641
	Cộng			7.152.641

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu 2.27:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 126

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c chi phí hoạt động tài chính	911	635	13.062.500
	Cộng			13.062.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu 2.28:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 127

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c thu nhập khác	711	911	75.000.000
	Cộng			75.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu 2.29:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 128

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c chi phí khác	911	811	93.666.667
	Cộng			93.666.667

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu 2.30:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 129

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định số thuế TNDN phải nộp	821	3334	138.967.643
	Cộng			138.967.643

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu 2.30:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 130

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	138.967.643
	Cộng			138.967.643

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu 2.31:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 131

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c lãi	911	421	416.902.930
	Cộng			416.902.930

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

**Biểu 2.32:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số: S03b - DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN

Số hiệu: 821

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>					
31/12	PKT 129	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN tháng 12/2011			3334	138.967.643	
31/12	PKT 130	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN tháng 12/2011			911		138.967.643
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>138.967.643</b>	<b>138.967.643</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.33:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bộ phận: Kế toán

Mẫu số: S03b - DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

DVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>					
			.....					
31/12	PKT 122	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		2.685.500.000
31/12	PKT 123	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	2.015.550.000	
31/12	PKT 124	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh			642	89.502.901	
31/12	PKT 125	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		7.152.641
31/12	PKT 126	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính			635	13.062.500	
31/12	PKT 127	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			711		75.000.000
31/12	PKT 128	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động khác			811	93.666.667	
31/12	PKT 130	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			821	138.967.643	
31/12	PKT 131	31/12	Kết chuyển lãi			911	416.902.930	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>2.767.652.641</b>	<b>2.767.652.641</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.34:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số: S03b - DNN

Bộ phận: Kế toán

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Năm 2011

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					<b><u>827.623.593</u></b>
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12	PKT 131	31/12	Kết chuyển lãi quý IV			911		416.902.930
			Cộng phát sinh					<b>416.902.930</b>
			Số dư cuối kỳ					<b><u>1.244.526.523</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

---

**CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC  
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH ĐỒNG****3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thành Đồng**

Từ ngày thành lập đến nay trải qua gần 12 năm hoạt động, công ty cổ phần Thành Đồng đã không ngừng lớn mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng và đã tự khẳng định được vai trò, vị trí của mình trên thương trường, góp phần khắc phục những khó khăn gặp phải phát triển đi lên không ngừng lớn mạnh. Sản phẩm của công ty ngày càng đa dạng về chất lượng và mẫu mã, hầu hết đã có mặt trên các thị trường và ngày càng khẳng định được thương hiệu của mình.

Để đạt được những thành công như ngày hôm nay đó là nhờ sự phối hợp, đoàn kết phấn đấu và tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên các phòng ban, phân xưởng dưới sự điều hành và đường lối quản lý của ban giám đốc. Với những thành công đã đạt được và sự nỗ lực tập thể sẽ là nền móng vững chắc cho một tương lai phát triển lâu dài.

**3.1.1. Ưu điểm**

- Nhìn chung công tác kế toán của công ty đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, phản ánh được tình hình sử dụng vật tư, lao động, xác định doanh thu, chi phí hợp lý làm cơ sở để xác định kết quả kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Bộ Tài Chính và chuẩn mực kế toán thống nhất trên cả nước.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.



- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách hiệu quả. Việc bố trí và phân chia trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với yêu cầu công việc và chuyên môn của từng người. Theo mô hình này, các kế toán viên có mối quan hệ chặt chẽ, qua lại với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán được thực hiện liên tục, chính xác và kịp thời.

- Hệ thống chứng từ công ty sử dụng nhìn chung là đúng với mẫu biểu của Bộ Tài Chính ban hành. Những thông tin kinh tế đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại và lưu trữ cẩn thận, thuận lợi cho việc tìm kiếm và đối chiếu số liệu.

- Chính sách ưu đãi cho khách hàng: trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng vì tâm lý khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Hiện tại công ty áp dụng chính sách giảm giá hàng bán, khi khách hàng là các đại lý thuộc công ty hoặc là các khách hàng mua với số lượng lớn công ty áp dụng giảm giá ngay trên giá mua. Bên cạnh đó công ty đã áp dụng chiết khấu thanh toán. Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ trước thời hạn.

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từng sản phẩm, từng cửa hàng, từng khách hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình thanh toán, ứ đọng vốn đồng thời phù hợp với yêu cầu theo dõi công nợ của công ty.

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và hợp lý. Công ty cũng theo dõi chi phí chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Từ đó giúp ban lãnh đạo thấy được sự biến động chi phí của từng loại hình từ đó sẽ đưa ra được các chính sách tiết kiệm chi phí.

- Về hạch toán ban đầu: Các chứng từ hạch toán ban đầu phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài Chính quy định.

- Về hạch toán hàng tồn kho: công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này tạo điều kiện cho việc phản ánh, ghi chép và theo dõi sự biến động hàng ngày thường xuyên của hàng hóa.

### **3.1.2. Những nhược điểm**

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

- Về việc áp dụng phần mềm kế toán trong hạch toán kế toán:  
Công ty đã đầu tư máy móc vào công việc kế toán nhưng chỉ đơn thuần là việc ghi chép vào máy tính, sử dụng Excel trong tính toán nhưng công ty chưa thực sự máy tính hóa – chưa áp dụng các phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán tại đơn vị.

- Về việc bố trí nhân viên việc bố trí nhân viên kế toán và phân định theo từng công việc cụ thể mang tính chuyên môn hóa cao có những ưu điểm và nhược điểm khác nhau. Ưu điểm là các nhân viên làm việc đầy đủ, tập trung thì hiệu quả công việc sẽ rất cao. Nhưng nếu có một nhân viên thuộc bộ phận kế toán nào đó nghỉ làm trong một thời gian dài thì công tác kế toán của nhân viên này sẽ gặp gián đoạn vì không có người thay thế nên buộc các nhân viên kế toán ở bộ phận khác phải kiêm thêm công việc này. Do quá trình chuyên môn hóa quá lâu nên bản thân họ xử lý công việc chậm hơn ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả chung của công việc, thậm chí còn gây ra những thiếu sót không đáng có.

- Việc thu hồi công nợ: trong điều kiện hiện nay, công ty phải cạnh tranh gay gắt giữa các công ty cạnh tranh cùng ngành hàng, việc tìm kiếm và thu hút

khách hàng về phía mình là vấn đề mang tính sống còn đối với sự tồn tại và phát triển của công ty. Bên cạnh đó biện pháp thu hồi công nợ đóng một vai trò đặc biệt quan trọng biện pháp đó vừa đảm bảo cho việc thu hồi công nợ được diễn ra một cách nhanh chóng, không để cho khách hàng chiếm dụng vốn của công ty quá lâu, lại vừa duy trì được mối quan hệ với khách hàng cũ, vừa mở rộng quan hệ với khách hàng mới. Đối với những đại lý mua hàng trực tiếp và các đại lý nhận hàng gửi của công ty việc mua hàng thanh toán chậm diễn ra thường xuyên nhưng công ty chưa quy định thời gian thanh toán tiền hàng. Do đó việc thu hồi vốn gặp nhiều khó khăn, vòng quay vốn bị chậm lại ảnh hưởng tới việc sản xuất kinh doanh của công ty.

- Về chính sách bán hàng của công ty: chính sách bán hàng của công ty mặc dù công ty đã có liên kết với các hãng xe khách chạy tuyến Quảng Ninh – Hà Nội để thu hút khách vào nghỉ và mua hàng tại công ty tuy nhiên chính sách quảng bá cũng như tiếp thị của công ty chưa thực sự tốt nên đa số các khách hàng chỉ vào nghỉ còn số lượng khách hàng mua hàng là chưa nhiều.

### **3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thành Đồng.**

Qua quá trình thực tập tại công ty trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu khắc phục được thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

#### **3.2.2.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ chi tiết tại Công ty cổ phần Thành Đồng**

Là doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng, việc mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu là cần thiết giúp cho nhà quản lý biết nên phát triển mặt hàng nào và giảm bớt mặt hàng nào cũng như có chiến lược khác để kích thích tiêu thụ sản phẩm của công ty.

Dựa vào sổ chi tiết doanh thu bán hàng chi tiết theo chủng loại hàng hóa và phương thức thanh toán để lập báo cáo bán hàng toàn công ty, thuận lợi cho việc theo dõi hoạt động kinh doanh của từng loại mặt hàng.

Doanh nghiệp có thể mở mẫu sổ theo dõi doanh thu chi tiết theo mẫu sau:

**Biểu 3.1:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bộ phận: kế toán

Mẫu số S17 – DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Năm:

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	(521,531,532)
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

**Ví dụ:** Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0009525, hóa đơn GTGT 0009526 kế toán tiến hành lập sổ chi tiết bán hàng, bảng tổng hợp chi tiết bán hàng:

**Biểu 3.2:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bộ phận: Kế toán

Mẫu số: S17 – DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Năm 2011

Tên sản phẩm: Doanh thu bán lục bình nhỏ

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng		Thành tiền	Thuế	(521,531,532)
0009525	15/12	Bán hàng thu tiền mặt	111	200	25.000	5.000.000		
0009527	16/12	Bán hàng thu tiền mặt	111	118	25.000	2.950.000		
		.....						
		Cộng số phát sinh		3400				
		Doanh thu thuần						
		Giá vốn hàng bán						
		Lãi gộp						

Ngoài ra công ty cũng nên lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh:

**Biểu 3.3:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương-Đông Triều-Quảng Ninh

Mẫu số S18-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

(Dùng cho các tài khoản 621, 622...)

Tài khoản:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK.....			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra		
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
			Cộng phát sinh trong kỳ					
			Ghi Có TK.....					
			Số dư cuối kỳ					

Lấy lại ví dụ trên ta có:

**Biểu 3.4:**

Công ty cổ phần Thành Đồng

Mẫu số S18 - DNN

Bình Dương-Đông Triều-Quảng Ninh

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm, dịch vụ: Lục bình nhỏ

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số phát sinh trong kỳ				
15/12	PXK168	15/12	Giá vốn hàng bán	155	3.700.000	200	18.500
16/12	PXK170	16/12	Giá vốn hàng bán	155	2.183.000	118	18.500
19/12	PXK172	19/12	Giá vốn hàng bán	155	4.625.000	250	18.500
21/12	PXK175	21/12	Giá vốn hàng bán	155	7.955.000	430	18.500
			.....				
			Cộng sps trong kỳ				
			Ghi có TK 632				
			Số dư cuối kỳ				

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**3.2.2.2. Hiện đại hóa trong công tác kế toán**

Trong điều kiện hiện nay, khoa học kỹ thuật rất phát triển tin học được áp dụng một cách rộng rãi. Công ty đã áp dụng tin học vào công tác kế toán nhưng chưa rộng rãi và triệt để, nhất là vấn đề áp dụng phần mềm kế toán máy vào việc hạch toán kế toán. Đề nghị công ty cấp kinh phí cho phòng kế toán mua phần mềm kế



toán để sử dụng trong công tác hạch toán, điều đó sẽ tiết kiệm được lao động, báo cáo số liệu nhanh chóng, chính xác, báo cáo kế toán được trình bày một cách khoa học...

Theo em, công ty có thể lựa chọn một số phần mềm kế toán sau:

- Phần mềm kế toán MISA: cụ thể là phần mềm MISA SME.NET 2012.

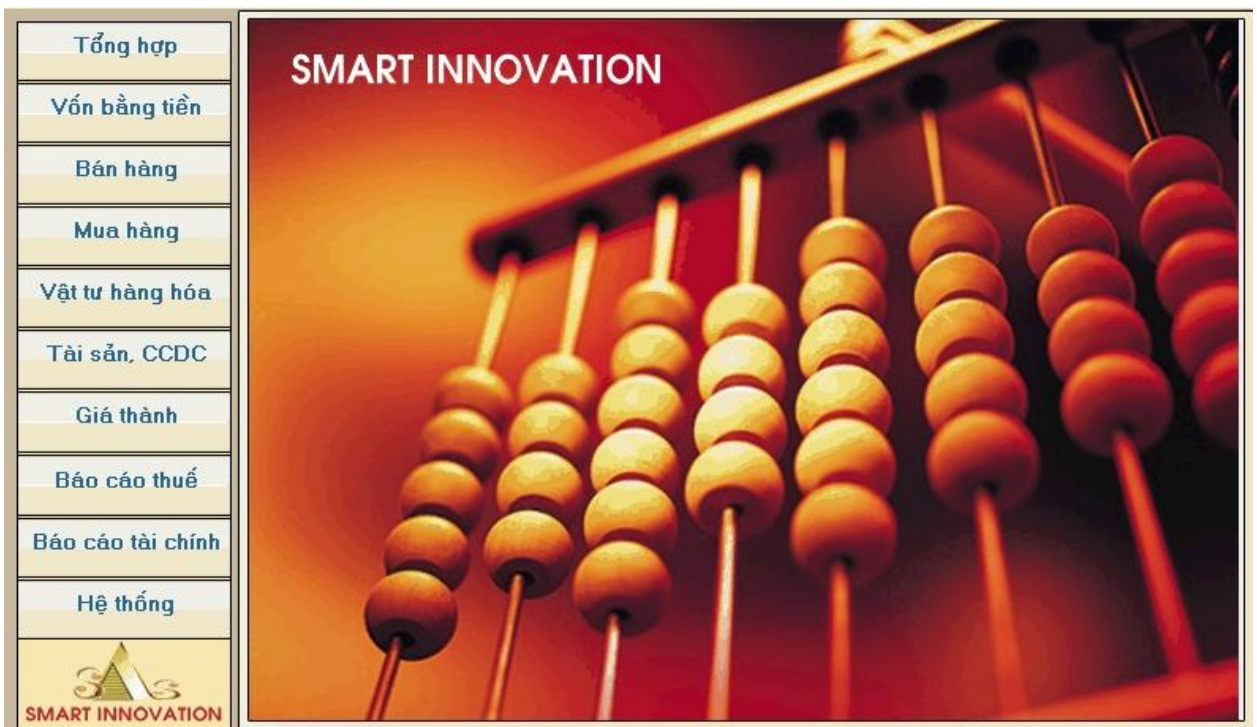
Phần mềm này áp dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, dễ tiếp cận, dễ cài đặt, dễ sử dụng, quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến. Quản lý tổng quan tình hình tài chính một cách tập trung giúp nhà quản trị luôn nắm được tình hình sức khỏe của doanh nghiệp. Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm... với giá thành cho phiên bản đầy đủ các phân hệ là 9.950.000 đồng.



- Phần mềm kế toán SAS INNOVA:
  - + Là phần mềm thiết kế đơn giản, dễ sử dụng

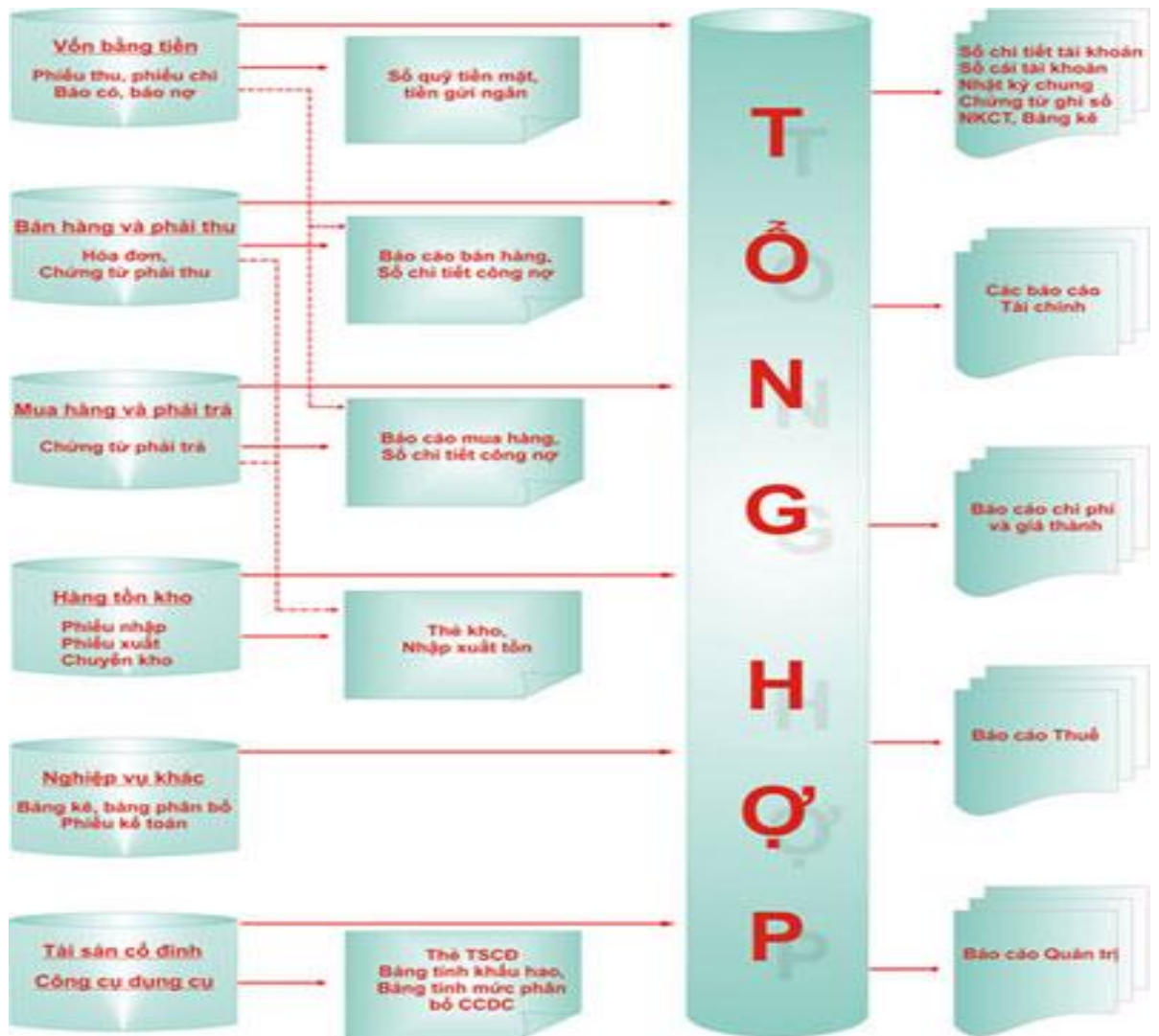
- + Đưa vào trợ giúp quy trình mẫu, kiến thức thuế, kế toán, tài chính, các quy chế nội bộ
- + Tính giá thành định mức hoàn hảo
- + Tích hợp mã vạch 2 chiều để in tờ khai thuế
- + Cho phép copy tất cả các chứng từ trên tất cả các phiếu
- + Cho phép thao tác các nghiệp vụ trên phiếu
- + Quản lý số liệu thro nhiều đơn vị, nhiều xí nghiệp, thành viên, nhiều mảng hoạt động

Giá của phần mềm này khoảng 10.000.000 đồng



- Phần mềm FAST-ACCOUNTING: là công cụ hữu hiệu giúp chúng ta làm kế toán nhanh
  - + Tự động lập các báo cáo tổng hợp
  - + In các hóa đơn bán hàng, mua hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi... trực tiếp từ phần mềm.
  - + Cung cấp các thông tin tức thời phục vụ quản trị kinh doanh.
  - + Tự động lên các đồ thị phục vụ cho việc quản trị doanh nghiệp.
  - + Tự động tính và lập báo cáo về thuế GTGT.
  - + Kết nối trực tiếp phần mềm hỗ trợ kê khai thuế phiên bản mới nhất.

+ Bảo mật bằng mật khẩu, phân quyền truy cập đến từng chức năng (đọc/sửa/xóa/tạo mới).



Theo em Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 do những đặc tính sản phẩm và giá thành phù hợp với doanh nghiệp.

### 3.2.2.3. Ý kiến về lập dự phòng phải thu khó đòi

Việc thu tiền hàng gặp khó khăn ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của công ty. Vì vậy, công ty nên tính toán các khoản nợ có khả năng khó đòi, tính toán lập dự phòng để đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ. Để tính toán mức dự phòng phải thu khó đòi, công ty nên đánh giá khả năng thanh toán của mỗi khách hàng là bao nhiêu phần trăm trên cơ sở số liệu thực và tỷ lệ có khả năng khó đòi tính ra dự phòng nợ thất thu.

❖ *Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi*

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

❖ *Mức trích lập:* (theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009)

*Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:*

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 120% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

*Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.*

❖ *Tài khoản sử dụng:* TK 159 – “Các khoản dự phòng”

Tài khoản 159 có 3 TK cấp 2:

- TK 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
- TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi
- TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Kết cấu tài khoản:

*Bên nợ:*

Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

Xóa các khoản giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

*Bên có:*

Số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho được lập tính vào chi phí quản lý.

*Dư có:* Số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

- Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán phần chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 6422:

Có TK 1592:

- Nếu dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK 1592:

Có TK 6422:

- Xóa nợ:

Nợ TK 1592: (nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 6422: (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131:

Có TK 138:

Đồng thời ghi Nợ TK 004

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112:

Có TK 711:

Đồng thời ghi Có TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý.

***Tình hình công nợ đến hết 31/12/2011 của công ty:***



Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương-Đông Triều-Quảng Ninh

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ QUÁ HẠN ĐẾN HẾT 31/12/2011**

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Công nợ đến 31/12/2011		GHI CHÚ	Số tiền cần trích lập dự phòng
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ		
1	Công ty TNHH vận tải và xây dựng Hùng Mạnh	14.750.000		Quá hạn thanh toán 9 tháng	4.425.000
2	Nguyễn Văn Long (cửa hàng gốm sứ)	28.800.000		Quá hạn thanh toán 7 tháng	8.640.000
3	Công ty CP xây lắp Phương Dung	67.560.465		Quá hạn thanh toán 6 tháng	20.268.140
	<b>Tổng cộng</b>	<b>134.671.465</b>			33.333.140

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Kế toán tiền hành lập phiếu kế toán:

Công ty cổ phần Thành Đồng

Bình Dương – Đông Triều – Quảng Ninh

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số :

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2011	6422	1592	33.333.140
	Cộng			33.333.140

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

**3.2.2.5. Một số giải pháp khác**

Thị trường là yếu tố quyết định của quá trình kinh doanh hàng hóa. Do đó, để nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty cần có sách lược, chiến lược mở rộng thị trường, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ.

Khó khăn lớn nhất của Công ty hiện nay là các sản phẩm của Công ty phải cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm cùng loại trên thị trường hiện nay. Hơn nữa, đề nghị Công ty nên có biện pháp giới thiệu sản phẩm của mình thông qua chính sách quảng cáo để qua đó phát triển thị trường tiêu thụ ngành hàng kinh doanh. Để góp phần nâng cao hiệu quả quảng cáo, Công ty phải nghiên cứu kỹ, phải tiến hành thăm dò thái độ của khách hàng, điều quan trọng cuối cùng phải đánh giá hiệu quả kinh tế của quảng cáo bằng cách so sánh chi phí bỏ ra với hiệu quả quảng cáo đem lại.

Với phương châm thỏa mãn tốt nhu cầu của khách hàng về hàng hóa. Công ty cần tạo ra một hệ thống các cơ sở đại lý để cung cấp hàng hóa đến tay khách hàng một cách thuận tiện.

Trên cơ sở đó Công ty nên mở một số cơ sở đại lý bán hàng ở những khu vực thích hợp, Công ty sẽ phải đầu tư thêm vốn để đưa sản phẩm của mình tới khách hàng bằng con đường nhanh nhất. Đồng thời, nó còn giúp Công ty nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm tránh tình trạng không thu hồi được vốn và việc sản xuất kinh doanh không được liên tục.

- Đa dạng hình thức bán hàng: công ty nên tích cực tìm hiểu, mở rộng thị trường trong nước, duy trì và ổn định thị trường truyền thống, thị trường nước ngoài. Đa dạng hình thức bán hàng, kênh bán hàng. Áp dụng thêm phương thức bán hàng đại lý, thực hiện thêm phương thức chào hàng, gọi điện tới khách hàng giới thiệu sản phẩm, gửi thư chào hàng đến các khách hàng.

- Giảm chi phí:

- + Giảm chi phí lãi vay: chi phí lãi vay là số tiền phải trả cho việc sử dụng vốn huy động. Bất kỳ một doanh nghiệp nào tiến hành sản xuất kinh doanh đều cần đến vốn và phải huy động thêm vốn. Doanh nghiệp phải tính toán huy động bằng hình thức nào sao cho chi phí trả lãi vay là thấp nhất: huy động vốn từ người lao động theo hình thức góp cổ phần...

- + Giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý: tiến hành sắp xếp bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả góp phần làm giảm chi phí quản lý, giảm chi phí tiếp khách, hội họp...

- Tích cực đầu tư vào việc quảng bá sản phẩm, khuyến mại cho các khách hàng mua lẻ tại công ty...

- Nâng cao nghiệp vụ cho bộ phận kế toán, quan tâm tìm hiểu nghiên cứu thị trường. công ty cần có những chính sách cụ thể về công tác Marketing đặc biệt ở thị trường nước ngoài.

Tóm lại, để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng điều đó đòi hỏi phải có sự nỗ lực của chính những người làm công tác quản lý và những người thực hiện sự chỉ đạo đó. Xuất phát từ nhu cầu của thị trường mà đáp ứng để tăng kết quả sản xuất, kinh doanh và cũng từ yêu cầu đòi hỏi về tính



hiệu quả trong công việc để thiết kế mô hình quản lý tài chính – kế toán cho thích hợp với công ty trong điều kiện hiện nay.

- Về tình hình thanh toán công nợ phải thu:

Để giúp cho công ty thu hồi các khoản nợ phải thu nhanh chóng, cần coi trọng các biện pháp sau:

+ Mở sổ chi tiết các khoản nợ phải thu trong và ngoài doanh nghiệp, thường xuyên đôn đốc để thu hồi đúng hạn.

+ Có biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán (lựa chọn khách hàng, giới hạn giá trị tín dụng, yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hoặc trả tiền trước một phần giá trị đơn hàng...)

+ Có chính sách bán chịu đúng đắn đối với từng khách hàng, khi bán chịu cho khách hàng cần phải xem xét kỹ khả năng thanh toán trên cơ sở hợp đồng kinh tế đã ký kết.

+ Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng bán hàng, nếu vượt quá thời gian thanh toán trên hợp đồng thì doanh nghiệp được thu lãi suất tương ứng với lãi suất quá hạn của ngân hàng.

+ Phân loại các khoản nợ quá hạn, tìm hiểu nguyên nhân của từng khoản nợ (chủ quan, khách quan) để có biện pháp xử lý thích hợp như gia hạn nợ, thỏa ước xử lý nợ, xóa một phần nợ cho khách hàng theo yêu cầu của tòa án kinh tế, giải quyết theo thủ tục phá sản doanh nghiệp.

- Trong môi trường kinh doanh có sự cạnh tranh gay gắt như hiện nay, song hành với những cơ hội là những thách thức có thể xảy ra rủi ro bất cứ lúc nào đối với doanh nghiệp. Việc những doanh nghiệp phải có những sách lược riêng của mình để hạn chế tới mức thấp nhất khả năng rủi ro là điều tất yếu. Đối với phần hành kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh, ngoài nhiệm vụ chính là hạch toán, cung cấp thông tin có liên quan và đưa ra kết quả cuối cùng cho ban lãnh đạo, cho những đối tượng liên quan thì kế toán có thể đưa ra những ý kiến để góp phần nâng cao kết quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

---

**KẾT LUẬN**

Trong công tác quản lý kinh tế, đặc biệt trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán đóng vai trò quan trọng hết sức quan trọng quyết định đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Do vậy để phát huy được vai trò đó kế toán phải thực hiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sao cho hiệu quả nhất.

Qua thời gian nghiên cứu đề tài, em đã khái quát được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thành Đồng em đã rút ra được những vấn đề sau :

- Về lý luận: Thấy rõ được vai trò quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Về thực tiễn: chỉ ra được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thành Đồng, từ đó đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện vấn đề sao cho phù hợp với thực tế Công ty và tình hình chung của đất nước, phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện nay và đảm bảo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Do kiến thức về mặt lý luận còn hạn chế nên bài khóa luận này của em không tránh phải những thiếu sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô để hoàn thiện bài viết một cách tốt nhất.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo – Th.s Nguyễn Thị Mai Linh, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của công ty cổ phần Thành Đồng cùng toàn thể thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2012

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Minh Thủy

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp  
( *Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính*)
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Các chứng từ, sổ sách, mẫu sổ kế toán năm 2011 tại Công ty cổ phần Thành Đồng
4. Kế toán doanh nghiệp – *Chủ biên PGS.TS Nguyễn Văn Công*
5. Chuẩn mực kế toán Việt Nam – *websise :www. google.com*  
*websise. Ketoanvietnam.com*
6. Một số bài khóa luận của các anh chị khóa trước.

**MỤC LỤC**

LỜI MỞ ĐẦU ..... 1

**CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP** ..... 10

1.1: Một số vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ..... 10

1.1.1: Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ..... 10

1.1.2: Các khái niệm cơ bản ..... 11

1.1.3: Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ..... 17

1.2: Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ..... 18

1.2.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ, các khoản giảm trừ doanh thu ..... 18

1.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán ..... 23

1.2.3: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ..... 28

1.2.4: Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính ..... 31

1.2.5: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác ..... 34

1.2.6: Tổng quan về kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp . 37

**CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH ĐỒNG** ..... 40

2.1: Tổng quan về công ty cổ phần Thành Đồng ..... 40

2.1.1: Sự hình thành và phát triển của công ty ..... 40

2.1.2: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty ..... 45

2.1.3: Tổ chức công tác kế toán tại công ty ..... 47

2.2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thành Đồng .....	52
2.2.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	52
2.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán.....	62
2.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	68
2.2.4: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính .....	74
2.2.5: Nội dung, trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động khác .....	79
2.3: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thành Đồng.....	86
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH ĐỒNG .....</b>	<b>96</b>
3.1: Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thành Đồng .....	96
3.1.1: Ưu điểm.....	96
3.1.2: Những nhược điểm.....	98
3.2: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thành Đồng. ....	99
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>114</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>115</b>

**Biểu 2.18a:**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		AA/11P			
Liên 3: (Lưu nội bộ)		0009571			
Ngày 22 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Thành Đồng					
Địa chỉ: Bình Dương-Đông Triều-Quảng Ninh					
Tài khoản:.....					
Điện Thoại: 033.3870199		MST: 5700428488			
Họ tên người mua hàng: Anh Mạnh					
Đơn vị: Công ty CP xây lắp Hùng Hưng					
Địa chỉ: Nam Khê-Uông Bí- Quảng Ninh					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: CK		MST: 5702217491			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xe xúc lật CAT-950F, gàu xúc 3,0 m <sup>3</sup>		1	75.000.000	75.000.000
Cộng tiền hàng:					75.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					7.500.000
Tổng tiền thanh toán:					82.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	

